



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NIÊN ĐỘ 2023-2024



Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam



0260 6289 549



www.ktsduongkontum.vn



MỤC LỤC

01	04 THÔNG TIN CHUNG
06	Thông tin tổng quan
08	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
10	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
12	Định hướng phát triển
14	Các rủi ro
02	18 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM
20	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
23	Tổ chức và nhân sự
30	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
31	Tình hình tài chính
34	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
36	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty
03	40 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
42	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
44	Tình hình tài chính
46	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
47	Kế hoạch phát triển trong tương lai
48	Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
49	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

04	50 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
52	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
52	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
53	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị
05	54 QUẢN TRỊ CÔNG TY
56	Hội đồng quản trị
61	Ban Kiểm soát
66	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát
06	68 BÁO CÁO TÀI CHÍNH
70	Ý kiến kiểm toán
72	Báo cáo tài chính được kiểm toán

01

THÔNG TIN CHUNG

- 06 Thông tin khái quát
- 08 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 10 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 12 Định hướng phát triển
- 14 Các rủi ro



KTS



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Tên giao dịch	: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM
Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số	: 6100228104 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp ngày 01/07/2008 (đã đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 18/11/2015)
Vốn điều lệ	: 50.700.000.000 đồng
Vốn đầu tư chủ sở hữu	: 50.700.000.000 đồng
Địa chỉ	: Km 2, Thôn Kon Rờ Bàn, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam
Số điện thoại	: 0260 6289 549
Số fax	: 0260 3916 168
Website	: www.ktsduongkontum.vn
Mã Cổ phiếu	: KTS
Sàn giao dịch	: HNX

1 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Nhà máy Đường Kon Tum được chuyển giao về cho Công ty Đường Quảng Ngãi và trở thành Nhà máy Đường Kon Tum trực thuộc Công ty Đường Quảng Ngãi.

Công ty Đường Kon Tum được chuyển thành Công ty Cổ phần Đường Kon Tum và chính thức đi vào hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh số 3803000111 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Kon Tum cấp ngày 01/07/2008.

Niên yết bổ sung 900.000 cổ phiếu trên HNX, tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ đồng lên 39 tỷ đồng.

Với đà tăng của giá đường thế giới cùng tác động của các biện pháp phòng vệ thương mại làm giảm áp lực cạnh tranh từ đường nhập khẩu giá rẻ. Điều này góp phần mang tới triển vọng tích cực cho các doanh nghiệp sản xuất mía đường.

Niên độ 2022-2023, Công ty ghi nhận doanh thu 547,68 tỷ đồng, tăng 210%; lợi nhuận sau thuế 38,20 tỷ đồng, tăng 377% so với niên độ trước. Đây là mức tăng trưởng cao nhất trong 4 năm trở lại đây.

1995

2000

2006

2008

2010

2011

2013

2023

2024

Ngày 10/07/1995, nhà máy Đường Kon Tum (tiền thân của công ty Mía đường Kon Tum), thành lập theo giấy đăng ký kinh doanh số 109032 do Ủy ban kế hoạch Nhà nước tỉnh Kon Tum cấp.

Nhà máy Đường Kon Tum được chuyển thành Công ty Đường Kon Tum thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Quyết định 2945/ QĐ-BNN - ĐMDN ngày 11/10/2006 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNT.

Chính thức niêm yết 3.000.000 cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là KTS

Niên yết bổ sung tổng cộng 1.170.000 cổ phiếu cho các đợt tăng vốn tiếp theo trên HNX, vốn điều lệ tăng từ 39 tỷ đồng lên 50,7 tỷ đồng.

Niên độ 2023-2024 mặc dù Công ty không đạt được kế hoạch doanh thu đề ra nhưng HĐQT, BDH đã linh hoạt trong công tác tiêu thụ sản phẩm, quản lý tốt các định mức kinh tế - kỹ thuật. Nhờ tiết kiệm chi phí và hạ giá thành sản phẩm, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thực hiện đã tăng 10,80% so với kế hoạch mà ĐHCĐ giao phó.

1 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

CÁC SỰ KIỆN KHÁC

- Sản phẩm đường RS của Công ty đã được Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam trao giải thưởng “Sản Phẩm/Dịch Vụ Thương Hiệu Việt Hội Nhập WTO”.



- Sản phẩm của Công ty được Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn chứng nhận: “Hàng Nông Lâm Thủy Sản Việt Nam Chất Lượng Cao và Uy Tín Thương Mại”.



1 NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

STT	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
1	2012	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ
2	2512	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại
3	0114	Trồng cây mía
4	0130	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp
5	0161	Hoạt động dịch vụ trồng trọt
6	0163	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch
7	1072 (Chính)	Sản xuất đường
8	1080	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản

STT	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
9	1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
10	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
11	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
12	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
13	4722	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh
14	3311	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn
15	3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị
16	3314	Sửa chữa thiết bị điện
17	3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
18	3510	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
19	4100	Xây dựng nhà các loại
20	4290	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
21	4311	Phá dỡ
22	4312	Chuẩn bị mặt bằng
23	4321	Lắp đặt hệ thống điện
24	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí
25	4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
26	4330	Hoàn thiện công trình xây dựng
27	4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
28	4632	Bán buôn thực phẩm
29	4653	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
30	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
31	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Công ty Cổ phần Đường Kon Tum có mạng lưới phân phối lớn, phạm vi hầu hết các tỉnh thành trong nước. Trong đó:

- Vùng nguyên liệu đầu tư thu mua tại Kon Tum và một số huyện của Gia Lai.
- Thị trường đường, mật tiêu thụ tại TP. HCM, các tỉnh Miền Trung - Tây Nguyên và một số tỉnh phía Bắc.
- Bã bùn và Phân bón được cung cấp cho nông dân trong vùng nguyên liệu.

1 THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Công ty Cổ phần Đường Kon Tum hoạt động theo mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.

Đại hội đồng cổ đông

Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát

Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành sản xuất của Công ty.

Ban Tổng giám đốc

Là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

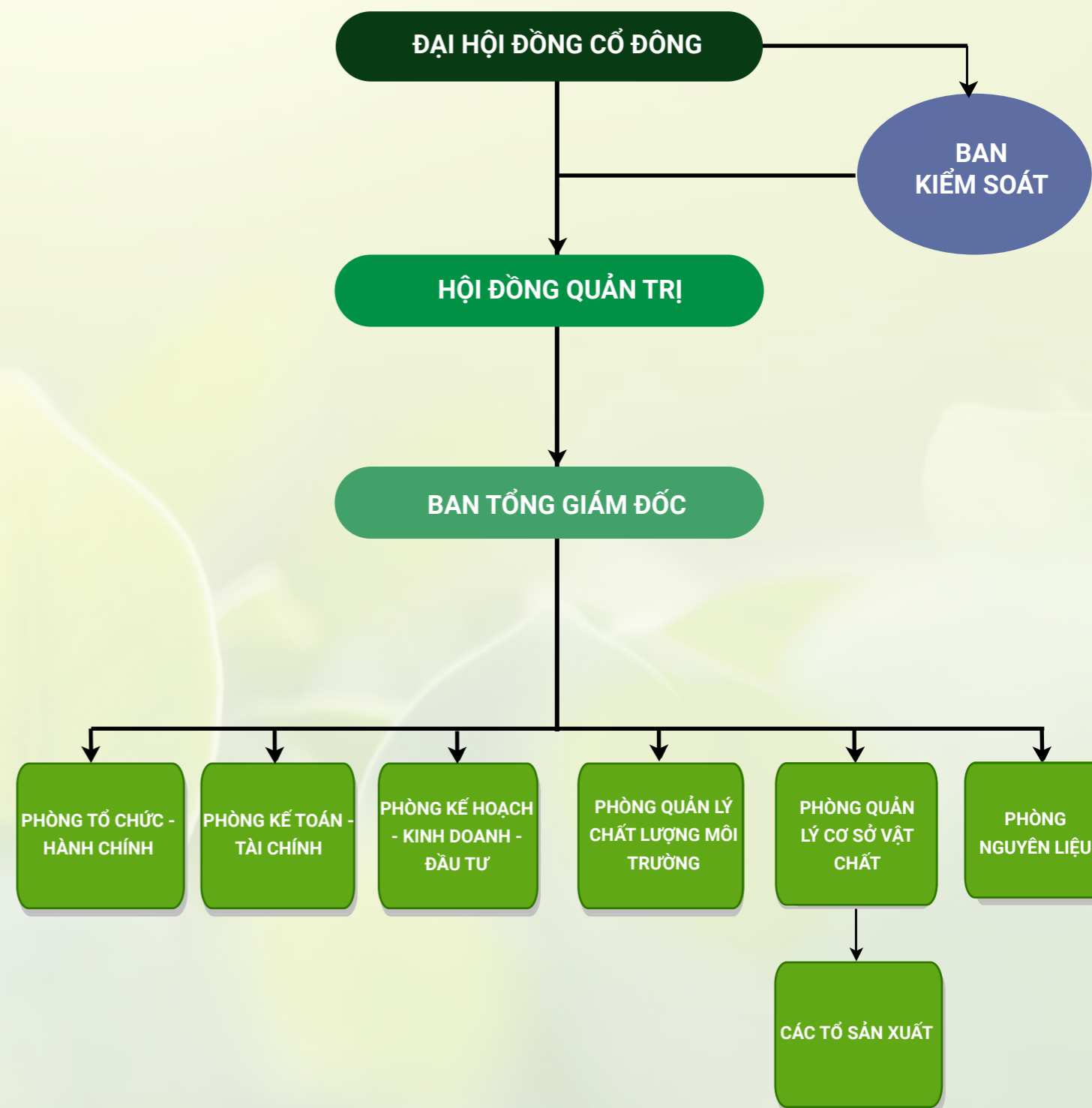


CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty Cổ phần Đường Kon Tum không có công ty con, công ty liên kết.



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



1 ĐỊNH HƯỚNG VÀ PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- » Mở rộng diện tích trồng nguyên liệu mía trong vùng, nhằm tạo sự chủ động trong sản xuất, đáp ứng đủ công suất hoạt động cho các nhà máy và hạ giá thành sản phẩm.
- » Tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu, cải tiến điều kiện canh tác nhằm đưa các giống mía có năng suất và chất lượng cao thay cho giống mía cũ đã thoái hóa, kém chất lượng; Từ đó Chú trọng công tác đầu tư, sửa chữa, cải tiến dây chuyền máy móc thiết bị nhằm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, tiết kiệm nguyên vật liệu nâng cao chất lượng sản phẩm đủ sức cạnh tranh với các sản phẩm nhập khẩu và của các đơn vị khác cùng ngành.
- » Xây dựng và giữ vững thương hiệu, đồng thời mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động, các dòng sản phẩm khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc.
- » Đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, bảo toàn vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- » Tiếp tục đầu tư các thiết bị chuyên dụng, ứng dụng khoa học công nghệ cao nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tối đa hóa lợi nhuận. Ngoài ra, thực hiện công tác sửa chữa, tu bổ máy móc thiết bị đáp ứng được yêu cầu của sản xuất.
- » Có chính sách đầu tư thu mua hợp lý, mở rộng vùng trồng nguyên liệu, đáp ứng yêu cầu về năng suất và tạo sự chủ động trong sản xuất.
- » Tiếp tục đầu tư vào công nghệ, nâng cao hiệu quả từng khâu trong toàn bộ chuỗi cung ứng, hoàn thiện chuỗi giá trị trong tất cả các hoạt động quản lý từ đồng ruộng đến sản xuất, phân phối sản phẩm đến tay người tiêu dùng.
- » Chủ động nắm bắt thị trường, điều chỉnh chính sách bán hàng cùng với sự linh hoạt trong sản xuất nhằm nâng cao mục tiêu về kế hoạch sản xuất kinh doanh



“Là Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và cung ứng đường, Công ty tạo dựng chuỗi cung ứng với các bên liên quan từ đầu vào đến đầu ra và với cộng đồng – xã hội. Đặt trong bối cảnh kinh doanh và chiến lược phát triển dài hạn, Công ty luôn xem các bên liên quan là những đối tác quan trọng bậc nhất và tác động mạnh mẽ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên các mặt kinh tế, xã hội và môi trường. Xác định được điều đó, Công ty đã thường xuyên tham vấn để thu thập thông tin nhằm đáp ứng kỳ vọng của họ, phục vụ cho mục tiêu phát triển bền vững của Công ty. Xác định các bên liên quan dựa vào vai trò và mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan đối với Công ty bao gồm: **Khách hàng, Cổ đông/Nhà đầu tư, Người lao động, Cơ quan quản lý Nhà nước, Môi trường và Cộng đồng địa phương.**”

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG

- » Tiếp tục phát huy triết lý kinh doanh “Sự hài lòng của Quý khách hàng là thành công của Công ty”.
- » Đặt lợi ích khách hàng lên hàng đầu, thiết lập cơ chế duy trì mối liên hệ, đối thoại thường xuyên và định kỳ, cung cấp các sản phẩm chất lượng, cạnh tranh giữ mối quan hệ tốt với khách hàng.

ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG/NHÀ ĐẦU TƯ

- » Quản lý, sử dụng, đầu tư vốn hiệu quả với mục đích tối ưu hóa lợi ích lâu dài của cổ đông.
- » Giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư qua các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- » Công bố thông tin đúng theo quy định.

ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

- » Công ty luôn chú trọng công tác chăm lo đời sống vật chất và tinh thần người lao động. Chế độ lương thưởng công bằng, minh bạch, người lao động luôn được tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,... theo đúng quy định.
- » Bên cạnh đội ngũ CBCNV tay nghề cao, giàu kinh nghiệm, Công ty tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân sự trẻ, trình độ chuyên môn cao, lấy lao động làm nòng cốt nhằm đảm bảo mục tiêu ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐỐI VỚI CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

- » Tuân thủ các quy định pháp luật trong các lĩnh vực an toàn vệ sinh lao động, PCCC, môi trường và các quy định đặc thù của ngành hóa chất.
- » Thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật để thay đổi cho phù hợp với những quy định mới, đảm bảo sự tuân thủ, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty.
- » Tuân thủ các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế.

ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

- » Không ngừng hoàn thiện và cải tiến, áp dụng công nghệ hiện đại mới nhất vào sản xuất nhằm hạn chế phát thải ra môi trường nhằm hướng đến sản xuất xanh, không phát thải. Xây dựng và duy trì nhà máy sản xuất xanh, sạch và đẹp.
- » Công ty luôn cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ đối với cộng đồng và xã hội, chung tay góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp và phát triển bền vững.





1 CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Niên độ 2023-2024, kinh tế toàn cầu diễn biến phức tạp. suy thoái kinh tế và lạm phát cao vẫn diễn ra ở nhiều nước; an ninh năng lượng, an ninh lương thực và biến đổi khí hậu đang ảnh hưởng rất lớn đến thị trường giá cả hàng hóa. Bất ổn chính trị gia tăng, làm kìm hãm sự phục hồi kinh tế toàn cầu, gia tăng tình trạng gián đoạn nguồn cung và đẩy giá hàng hóa thế giới tăng mạnh. Lạm phát tuy đã được kiểm soát nhưng vẫn ở mức cao. Việc giá hàng hóa thế giới tăng (bao gồm giá dầu, lương thực, thực phẩm) cùng với sự gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu đã làm gia tăng chi phí sản xuất.

Trong năm 2023, giá đường thế giới tăng mạnh và đạt đỉnh 12 năm vào đầu tháng 11 do lo ngại nguồn cung đường toàn cầu thắt chặt bởi hiện tượng thời tiết El Nino (xuất hiện từ đầu quý II/2023) gây hạn hán và mất mùa mía tại Ấn Độ, Thái Lan (đây là hai quốc gia lần lượt đứng thứ 2 và thứ 3 về sản xuất và xuất khẩu đường trên thế giới). Tuy nhiên, từ cuối tháng 11 tới nay, giá đường thế giới nằm trong xu hướng giảm bởi triển vọng sản lượng sản xuất trong vụ 2023/2024 của Brazil (quốc gia sản xuất và xuất khẩu đường lớn nhất thế giới) đạt mức kỷ lục, tăng 27,4% so với cùng kỳ sẽ bù đắp sản lượng sụt giảm tại Ấn Độ và Thái Lan, giúp cân bằng cung - cầu đường thế giới cân bằng hơn.

Về giá đường trong nước nửa đầu năm 2024, giá đường có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do nguồn cung đường thế giới dồi dào và ảnh hưởng bởi đường nhập lậu và gian lận thương mại chưa được kiểm soát triệt để, điều này khiến giá đường trong nước giảm, tồn kho của các doanh nghiệp tăng cao. Để phát triển bền vững, Ban lãnh đạo Công ty đã có kế hoạch, xác định nhiệm vụ cụ thể trước mắt và các nhiệm vụ dài hạn của Công ty. Trong ngắn hạn, Công ty sẽ tiếp tục khảo nghiệm để lựa chọn nâng cao chất lượng giống mía; đầu tư nâng cấp dây chuyền chế biến đường để nâng công suất chế biến nhằm thu hoạch mía đúng vụ tăng hiệu quả thu hồi mía đường; đầu tư thiết bị nâng cao chất lượng đường thành phẩm để tăng tính cạnh tranh về số lượng tiêu thụ và giá bán trên thị trường. Trong dài hạn, Công ty Đường Kon Tum vẫn sẽ đi theo tiêu chí phát triển bền vững, hội nhập với xu thế công nghệ và tiếp tục trở thành thương hiệu uy tín trên thị trường.

1 CÁC RỦI RO

RỦI RO PHÁP LUẬT

Là Công ty Cổ phần, có cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty Cổ phần Đường Kon Tum phải chịu sự ảnh hưởng và chi phối của các luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Thương mại, v.v ... các Nghị định, Thông tư và các văn bản pháp luật liên quan khác.

Những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam đang có nhiều chuyển biến mạnh mẽ, từng bước mở rộng và hội nhập với thị trường ngày một năng động của thế giới. Nhằm bắt kịp xu thế chung và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp, hệ thống luật pháp Việt Nam cũng đang trong quá trình cập nhật và hoàn thiện. Các quy định, chế tài cũng ngày một cụ thể và chặt chẽ hơn, đảm bảo tính minh bạch và công bằng

Công ty luôn có ý thức chủ động cập nhật và tìm hiểu thông tin pháp lý liên quan đến nền kinh tế và đặc thù ngành, để chủ động điều chỉnh cơ chế vận hành cho phù hợp với pháp luật của Nhà nước, tránh những rủi ro đáng tiếc có thể tác động xấu đến tình hình kinh doanh của doanh nghiệp.

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Rủi ro thời tiết ảnh hưởng lớn đến người nông dân trồng mía. Năm 2023 là năm mà hiện tượng thời tiết El Nino bắt đầu quay trở lại chu kỳ mới, làm cho lượng mưa khu vực miền Trung và Tây Nguyên rất thấp, thời tiết hanh khô, gió mạnh dẫn đến nguy cơ cháy ruộng mía trong thời kỳ thu hoạch rất cao.

Trong năm, tại cánh đồng mía thuộc xã Đoàn Kết, thành phố Kon Tum, đã xảy ra cháy ruộng mía với tổng diện tích thiệt hại gần 6 ha do bất cẩn trong việc vệ sinh ruộng mía sau thu hoạch. Trước rủi ro trên, để hỗ trợ người dân giảm thiệt hại, Công ty Cổ phần Đường Kon Tum cũng đã huy động nhân lực và phương tiện thu hoạch, nhập mía cho người dân với giá tương đương thị trường.



Bên cạnh đó, chất thải trong quá trình sản xuất được phân loại và đưa ra phương pháp xử lý phù hợp, phần lớn chất thải được tái tạo đem ủ phân làm phân bón, những chất thải có khả năng nguy hại đến môi trường Công ty chủ động xử lý để đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của pháp luật và đặc biệt là không gây ảnh hưởng môi trường.

RỦI RO VỀ VÙNG NGUYÊN LIỆU

Mặc dù đề án mở rộng diện tích mía nguyên liệu trên địa bàn tỉnh đã và đang được triển khai nhưng chưa quyết liệt. Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy và UBND tỉnh, ngành Nông nghiệp - PTNT của tỉnh, UBND các huyện, thành phố, Công ty đã tích cực rà soát, tham mưu đề xuất và triển khai nhiều giải pháp để phát triển vùng nguyên liệu mía đường trên địa bàn tỉnh.

Đến nay, diện tích mía nguyên liệu của Công ty là 1.700ha, tăng diện tích mở rộng thêm trong niên vụ tới tập trung chủ yếu ở địa bàn các huyện Kon Plông, Sa Thầy, Đăk Hà, Đăk Tô, Kon Rẫy, Ngọc Hồi, Ia H'Drai và thành phố Kon Tum.

Việc diện tích vùng trồng mía bị phân tán về mặt địa lý cũng như địa hình trồng mía chủ yếu là đất phù sa ven sông suối, đất thấp trũng, bán ngập dẫn đến công tác điều động xe tải vận chuyển mía của Công ty gặp nhiều khó khăn. Trước những thách thức nêu trên, Công ty đã cùng với đại diện các sở, ngành, địa phương tham gia thảo luận để làm rõ những khó khăn, vướng mắc trong việc xây dựng vùng nguyên liệu mía và đề ra những giải pháp nhằm đảm bảo phát triển vùng nguyên liệu một cách bền vững. Theo đó, Công ty tổ chức tiến hành thu mua mía của bà con ngay từ đầu vụ sản xuất, tổ chức cho đốn chặt đối với những diện tích mía chín trước thì thu hoạch trước, mía gốc chặt trước, mía tơ chặt sau, mía trên cao chặt trước, mía dưới thấp chặt sau đồng thời ban hành chính sách hỗ trợ thêm chi phí cho người dân.

RỦI RO KHÁC

Bên cạnh những rủi ro đã nói trên, một số rủi ro khác cũng tiềm ẩn nguy cơ xảy ra trong các trường hợp bất khả kháng như: thiên tai, lũ lụt, chiến tranh, dịch bệnh,... Những rủi ro này thường rất ít khi xảy ra, rất khó dự báo nhưng khi xảy ra sẽ để lại những hậu quả khó lường cho Công ty cả về người và tài sản.

Nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng, Công ty luôn chủ động bằng cách mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản của công ty. Đồng thời, Công ty luôn cố gắng lường trước các kịch bản xấu và lên các phương án chủ động phòng ngừa và xử lý khi có biến cố bất ngờ xảy ra.



02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 20 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 23 Tổ chức và nhân sự
- 30 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 31 Tình hình tài chính
- 34 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 36 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty



KTS

2 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM



Công tác thu mua, vận chuyển mía nguyên liệu

- Tổng sản lượng mía thu mua vụ 2023-2024 đạt 83% so với kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu là do giai đoạn cuối vụ các nhà máy trong khu vực tăng giá mía rất cao để hút mía về nhà máy của họ, dẫn đến việc Công ty không hoàn thành kế hoạch sản lượng mía thu mua ngoài vùng.
- Vụ ép 2023-2024, Công ty đã thực hiện công tác đôn chặt hợp lý, cân đối hài hòa nên sản lượng mía thu mua cơ bản đáp ứng công suất hoạt động của Nhà máy. Việc thanh toán tiền mía được thực hiện đầy đủ và kịp thời, đây là yếu tố quan trọng để ổn định sản lượng mía thu mua và đảm bảo niềm tin cho bà con tiếp tục gắn bó với cây mía trên địa bàn tỉnh Kon Tum.
- Việc bố trí, điều hành phương tiện vận chuyển khá nhìp nhàng và hợp lý, mía đưa về nhà máy cơ bản tươi, sạch và đảm bảo chất lượng, không có tình trạng mía chặt ra chờ xe vận chuyển, mía phơi khô trên đồng quá thời gian quy định.

Công tác đầu tư chăm sóc và phát triển diện tích trồng mới, trồng lại vụ 2023-2024 chuẩn bị cho vụ thu hoạch 2024-2025

- Vùng nguyên liệu luôn được Công ty quan tâm đầu tư phát triển bằng nhiều chính sách và giải pháp đồng bộ. Diện tích mía trong vùng chuẩn bị thu hoạch cho vụ 2024-2025 tăng so với vụ 2023-2024 là 18%.
- Diện tích mía tăng so với các năm trước nguyên nhân chủ yếu là do:
 - Giá mua mía vụ 2023-2024 tăng so với các vụ trước, cùng với chính sách đầu tư, hỗ trợ vùng nguyên liệu phù hợp, việc giải ngân các khoản đầu tư, hỗ trợ kịp thời nên người dân yên tâm phát triển diện tích.
 - Được sự đồng thuận của các cấp chính quyền địa phương, các Sở, ban ngành của tỉnh Kon Tum, nên công tác tuyên truyền vận động trồng mía thuận lợi hơn rất nhiều.
 - Ban điều hành tích cực tuyên truyền hướng dẫn chính sách đầu tư, phát triển vùng nguyên liệu của Công ty, tích cực tìm kiếm diện tích đất trồng để tăng thêm diện tích, đặc biệt năm nay Công ty phát triển thêm hình thức hợp tác liên kết với các doanh nghiệp khác để trồng mía, tăng nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất chế biến.
 - Tuy nhiên, năm nay do ảnh hưởng của El Nino, thời tiết khô hạn, nắng nóng kéo dài nên diện tích xuống giống chưa đạt được kế hoạch đề ra.

Công tác thu mua, vận chuyển mía nguyên liệu

Công tác thu hồi nợ vụ này thực hiện khá tốt, nợ phải thu thực hiện đạt 99% so với kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến một số hộ thu hồi nợ không đạt kế hoạch là do điều kiện thời tiết khí hậu tại một số vùng trồng mía của địa phương khắc nghiệt, ảnh hưởng sức gió mạnh, sương muối nên cây mía sinh trưởng phát triển kém, năng suất thấp làm cho hộ trồng mía không đủ trả nợ cho Công ty. Nợ quá hạn của các vụ trước còn lại không đáng kể và đã được trích lập dự phòng theo quy định của chế độ tài chính hiện hành.

KẾT QUẢ KINH DOANH

Kể từ cuối tháng 11/2023, giá đường thế giới đã bắt đầu hạ nhiệt khi Việt Nam bước vào niên vụ mía 2023-2024, giá đường có lúc xuống mức hơn 20 USD/pound - mức thấp nhất kể từ đầu năm 2023 và giảm gần 26% so với mức đỉnh, kết thúc chuỗi ngày “thăng hoa” báo lãi của nhiều doanh nghiệp ngành mía đường sau niên độ tài chính 2022-2023. Ngoài ra, tình trạng đường nhập lậu cũng đang là một vấn đề nan giải đối với các doanh nghiệp đường Việt Nam, bịt đầu ra của đường sản xuất từ mía, khiến đường các nhà máy không bán được dẫn đến đường tồn kho của Công ty tăng cao.

Trước tình hình đó, hoạt động kinh doanh của Công ty trở nên khó khăn, kết thúc niên độ 2023-2024, Công ty ghi nhận doanh thu gần 279 tỷ đồng, giảm 49,06% so với doanh thu cùng kỳ và lợi nhuận sau thuế đạt gần 31 tỷ đồng, giảm 19,07% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu là giá đường thế giới giảm, nạn buôn lậu và gian lận thương mại tiếp tục hoành hành làm cho giá đường trong nước giảm Bên cạnh đó, lượng hàng tồn kho tại ngày kết thúc niên độ vẫn còn tồn đọng khá lớn, khi giá trị hàng tồn kho là hơn 150 tỷ đồng, cao gấp 5,2 lần cùng kỳ. Trong khi đó, tại niên vụ trước, Công ty đã bán toàn bộ số lượng thành phẩm đường đã sản xuất được trong năm vì nhu cầu tiêu thụ đường tăng cao dẫn đến nguồn tồn kho đường thành phẩm đầu năm không còn (chỉ còn tồn kho phụ phẩm là mật rỉ), từ đó, hình thành sự chênh lệch doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh so với cùng kỳ năm trước

STT	Chỉ tiêu	Niên độ 2022-2023	Niên độ 2023-2024	Tỷ lệ % TH 2023-2024/ TH 2022-2023
1	Tổng giá trị tài sản	481.512	483.073	100,32%
2	Doanh thu thuần	547.678	278.961	50,94%
3	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	41.137	33.460	81,34%
4	Lợi nhuận khác	(1.532)	(2.036)	132,92%
5	Lợi nhuận trước thuế	39.605	31.424	79,34%
6	Lợi nhuận sau thuế	38.197	30.913	80,93%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	8%	5%*	62,5%

(*) Tỷ lệ dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Việc chi trả cổ tức bằng tiền niên độ 2022-2023:

- » Theo phương án phân phối lợi nhuận đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua, Công ty thực hiện chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 08%/vốn điều lệ .
- » Hội đồng quản trị đã thông qua Nghị quyết số 67/NQ-HĐQT/2023 ngày 03/11/2023 để chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức. Các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng 20/11/2023 được nhận cổ tức theo phương án nêu trên.
- » Việc chi trả cổ tức niên độ 2022-2023 đã được Công ty thực hiện hoàn tất theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.



GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY: Tại ngày 30/06/2024

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Đặng Thị Thu Hằng	Tổng Giám đốc	0	0%
2	Thái Văn Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	0	0%
3	Nguyễn Hữu Quảng	Phó Tổng Giám đốc	0	0%
4	Narayanasamy Ravichandran	Phó Tổng Giám đốc	0	0%
5	Võ Thị Ái Thùy	Kế toán trưởng	0	0%



01 BÀ ĐẶNG THỊ THU HẰNG

Tổng Giám đốc

Ngày sinh	14/04/1977
Trình độ chuyên môn	Cử nhân chuyên ngành Thương mại
Quá trình công tác	
10/2017 - nay	Tổng Giám đốc CTCP Đường Kon Tum
03/2022 – nay	Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Tipharco
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Tổng Giám đốc
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Tipharco
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	Bà Trần Thị Thái (Mẹ): 152.100 cổ phiếu, chiếm 3% vốn điều lệ



02 ÔNG THÁI VĂN HÙNG

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh	26/02/1972
Trình độ chuyên môn	Cử nhân khoa học
Quá trình công tác	
1995 – 1996	Kỹ thuật viên phòng kỹ thuật CTCP Mía đường Tuy Hòa
1996 – 2000	Phó quản đốc Phân xưởng sản xuất đường CTCP Mía đường Tuy Hòa
2001 – 2011	Trưởng phòng kỹ thuật – KCS CTCP Mía đường Tuy Hòa
2011 - 07/2016	Trưởng phòng Vật tư, đầu tư và xây dựng cơ bản CTCP Mía đường Tuy Hòa
07/2016 – nay	Thành viên HĐQT CTCP Mía đường Sơn La
09/2018 – nay	Thành viên HĐQT CTCP Đường Kon Tum
09/2020 – nay	Phó Tổng Giám đốc CTCP Mía đường Sơn La
09/2021 – nay	Phó Tổng Giám đốc CTCP Đường Kon Tum
03/2023 – nay	Thành viên độc lập HĐQT CTCP Dược phẩm Tipharco
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	<ul style="list-style-type: none"> Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Mía đường Sơn La Thành viên độc lập HĐQT CTCP Dược phẩm Tipharco
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	Không có



03 ÔNG NGUYỄN HỮU QUẢNG

Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh	20/06/1971
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư công nghệ hóa Silicat
Quá trình công tác	
1998 – 1999	Phó ca sản xuất - Nhân viên phòng Kỹ thuật Công ty mía đường Kon Tum
1999 – 2010	Trưởng ca sản xuất - Nhân viên phòng Kỹ thuật CTCP đường Kon Tum
2010 – 2012	Phó phòng kỹ thuật CTCP Đường Kon Tum
2012 – 2016	Phó phòng kỹ thuật Công ty TNHH mía đường Hoàng Anh – Gia Lai, Attapeu - Lào
2016 – 2017	Phó phòng kỹ thuật Công ty mía đường TTC – Attapeu – Lào
2017 – 2018	Trợ lý Tổng Giám Đốc CTCP Đường Kon Tum
08/2018 – nay	Phó Tổng Giám đốc CTCP Đường Kon Tum
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	Không có

2 TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



04 ÔNG NARAYANASAMY RAVICHANDRAN

Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh	22/12/1962
Trình độ chuyên môn	Chuyên gia Công nghệ Chế biến đường
Quá trình công tác	
08/2023 - nay	Phó Tổng Giám đốc CTCP Đường Kon Tum
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	Không có



05 BÀ VÕ THỊ ÁI THÙY

Kế toán trưởng

Ngày sinh	20/05/1981
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác	
2005 - 2010	Nhân viên kế toán Công ty TNHH sản xuất Giấy Nhám Merit Việt Nam; Công ty TNHH Korea Foam - Khu công nghiệp Việt Hương - Thuận An - Bình Dương
2011 - 2017	Nhân viên kế toán CTCP Đường Kon Tum
07/2017 - 2020	Trưởng phòng KHKD-ĐT CTCP Đường Kon Tum
04/2022 - 04/2023	Phụ trách công tác kế toán CTCP Đường Kon Tum
04/2023 - nay	Kế toán trưởng CTCP Đường Kon Tum
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Kế toán trưởng
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	Không có

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Narayanasamy Ravichandran	Phó Tổng Giám đốc	08/08/2023



2

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN: Tại ngày 30/06/2024

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ	223	100,00%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	25	11,21%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	81	36,32%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	113	50,67%
4	Lao động phổ thông	4	1,79%
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	223	100,00%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	92	41,26%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	131	58,74%
III	Theo giới tính	223	100,00%
1	Nam	174	78,03%
2	Nữ	49	21,97%

THU NHẬP BÌNH QUÂN

Chỉ tiêu	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	5.400.000	5.520.000	5.434.510	6.093.572	6.638.592



CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ



“Nguồn nhân lực đóng vai trò hạt nhân trong chiến lược phát triển bền vững của KTS. Với môi trường cạnh tranh ngày càng cao, đặc biệt là doanh nghiệp trong và ngoài nước sẽ tham gia mạnh vào ngành đường thời gian tới, nguồn nhân lực chuyên nghiệp, lành nghề sẽ giúp Công ty duy trì lợi thế và đảm bảo hiệu quả kinh doanh. Bên cạnh đó, đảm bảo công việc ổn định, chăm lo các chế độ, chính sách và đảm bảo chất lượng cuộc sống của người lao động cũng là cách thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp”

Về tuyển dụng

Là Công ty hoạt động trong lĩnh vực Nông nghiệp và đặc biệt là tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ kỹ thuật vào sản xuất và canh tác, nên việc chọn lọc nguồn lực phù hợp là tiêu chí được Ban lãnh đạo đặt lên hàng đầu. Công ty đang từng bước nâng cao trình độ đối với lực lượng lao động, tập trung vào nhóm có chuyên môn và kỹ thuật. Ngoài ra, Công ty cũng đặt ra những tiêu chí (nhiệt huyết, có chuyên môn và khả năng tiếp cận, thích ứng nhanh với công nghệ) để đảm bảo chất lượng đầu vào của tất cả CBCNV Công ty, thể hiện nỗ lực của Công ty trong việc nâng cao chất lượng lao động.

Về đào tạo

Trong công tác đào tạo, Công ty đã chú trọng đến công tác tự đào tạo, đào tạo tại chỗ và dành sự quan tâm khuyến khích các cán bộ trẻ nâng cao trình độ chuyên môn. Mục tiêu đào tạo về nhân sự của Công ty là giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, chuẩn mực trong đạo đức, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc và tâm huyết với nghề.

Ngoài ra, Công ty thực hiện chính sách điều động, bổ nhiệm nhân sự một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh theo từng thời điểm.

Môi trường công việc

Công ty luôn cố gắng đảm bảo cơ sở vật chất đầy đủ, tiện nghi phục vụ cho quá trình làm việc ở tất cả các nơi từ Văn phòng cho đến Nhà máy. Tùy thuộc vào môi trường và công đoạn sản xuất mà người lao động được trang bị đầy đủ các phương tiện, công cụ bảo hộ lao động theo các yêu cầu tiêu chuẩn an toàn của Luật Bảo hộ lao động nhằm hạn chế tối đa những rủi ro trong quá trình sản xuất.

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Công ty đang áp dụng chế độ làm việc đảm bảo thời gian làm việc không vượt quá 48 giờ/tuần, tuân thủ đúng quy định của Luật lao động và nội quy lao động của Công ty. Người lao động được bố trí nghỉ đầy đủ vào các ngày Lễ, Tết và các ngày nghỉ hưởng nguyên lương, đối với các trường hợp đi làm trùng vào các ngày nghỉ này được tính làm thêm giờ theo quy định của Luật Lao động.

Ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng đến việc xây dựng chế độ chính sách, phúc lợi hợp lý cho toàn thể CBCNV. Trong đó, Quỹ khen thưởng và phúc lợi được Công ty trích lập theo đúng các quy định pháp luật. Công ty cũng nỗ lực điều chỉnh lương của toàn thể CBCNV một cách cạnh tranh so với trong ngành và thị trường, giúp người lao động có thể yên tâm công tác và gắn bó với Công ty.



2 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN



Niên vụ 2023-2024, Nhà máy đường đã thực hiện triển khai dự án tiết kiệm hơi với giá trị hơn 21 tỷ đồng, công tác sửa tu bổ chữa máy móc thiết bị cơ bản đáp ứng được yêu cầu của sản xuất, hiệu suất an toàn thiết bị đạt 97,92%. Các loại máy móc thiết bị được Ban Điều hành thực hiện công tác tu bổ sửa chữa đầy đủ, đảm bảo chất lượng và đáp ứng yêu cầu của HĐQT, trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả



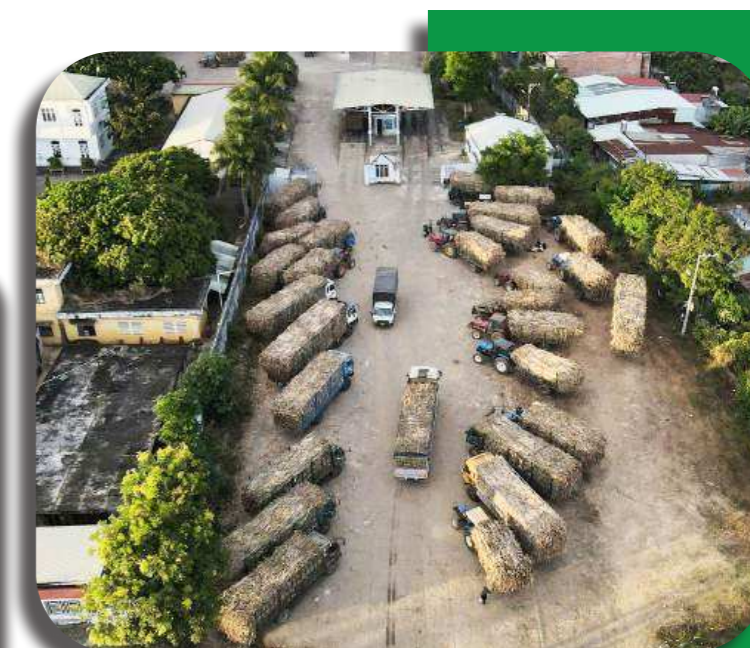
CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT Không có



2 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Niên độ 2022-2023	Niên độ 2023-2024
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn (<i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>)	Lần	1,18	1,23
	Hệ số thanh toán nhanh (<i>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</i>)/ <i>Nợ ngắn hạn</i>	Lần	1,06	0,57
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
2	Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	57,66	52,84
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	136,19	112,05
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
3	Vòng quay hàng tồn kho (<i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>)	Vòng	8,57	0,60
	Vòng quay tổng tài sản (<i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>)	Vòng	1,24	0,58
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
4	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	6,97	11,08
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	20,46	14,32
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	8,65	6,41
	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	7,51	11,99

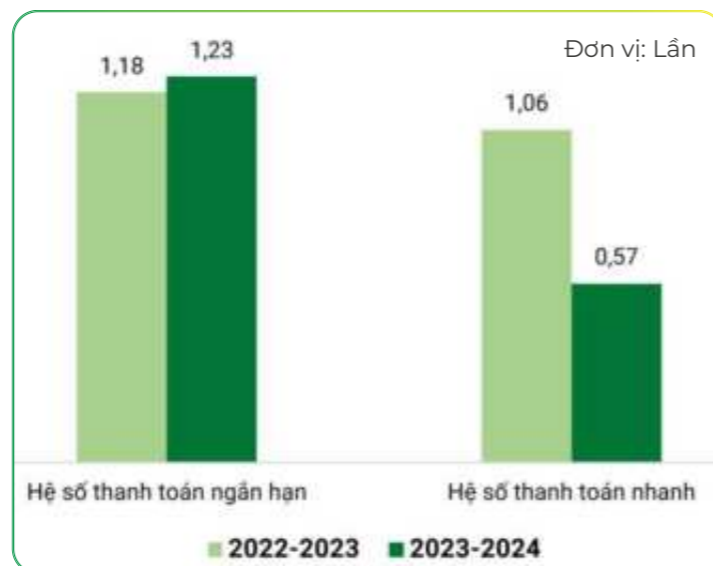


2 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Niên độ 2023-2024, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty ghi nhận cụ thể như sau: Hệ số thanh toán ngắn hạn tiếp tục được cải thiện, đạt 1,23 lần, tăng 0,05 lần so với hệ số thanh toán ngắn hạn của niên độ trước. Tuy nhiên, hệ số thanh toán nhanh của Công ty tại thời điểm kết thúc niên độ năm nay chỉ đạt 0,57 lần, giảm 0,49 lần so với cùng thời điểm năm trước. Theo đó, sự biến đổi của các chỉ tiêu về khả năng thanh toán trong năm chủ yếu bắt nguồn từ sự biến động trong cơ cấu tài sản ngắn hạn (giảm 3.501 triệu đồng) và cơ cấu nợ ngắn hạn (giảm 12.378 triệu đồng). Với giá trị hàng tồn kho tại thời điểm 30/06/2024 là 150.722 triệu đồng, là nguyên nhân chính tác động đến hệ số thanh toán nhanh, tuy nhiên hệ số này mang tính chất thời điểm. Dự kiến, số lượng đường tồn kho của Công ty sẽ được bán hết trong Quý 1 của niên độ 2024-2025, đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty trong tương lai.



Trong một năm kinh tế đầy thách thức, để đảm bảo sự bền vững của tình hình tài chính, Ban điều hành luôn luôn chủ động tìm kiếm giải pháp, xây dựng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính dài hạn để đảm bảo Công ty giữ cơ cấu thanh toán hợp lý và duy trì ở ngưỡng an toàn đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Tại thời điểm ngày 30/06/2024, hệ số nợ/tổng tài sản giảm 4,82% so với cùng kỳ năm trước, chỉ còn 52,84% và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu đồng thời giảm 24,14% so với thời điểm 30/06/2023 khi giảm từ 136,19% xuống còn 112,05%. Nguyên nhân của sự sụt giảm này đến từ sự biến động trong cơ cấu các khoản mục, cụ thể:



Nợ phải trả trong kỳ đã giảm 22.378 triệu đồng, chủ yếu là do thuế giá trị gia tăng phải nộp trong kỳ giảm hơn 10.927 triệu đồng và giảm 10.000 triệu đồng do khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam đến hạn phải trả. Vốn chủ sở hữu tăng 23.939 triệu đồng do số dư của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng 20.399 so với cùng kỳ.

Trong khi đó, tổng tài sản chỉ tăng 1.561 triệu đồng mặc dù giá trị của các khoản mục cấu thành nên tổng tài sản có nhiều biến động. Nhìn chung, các chỉ tiêu về cơ cấu vốn vẫn giữ được tỷ lệ ở mức cao, các khoản nợ đều trong tầm kiểm soát và cấu trúc vốn của KTS vẫn được đảm bảo.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

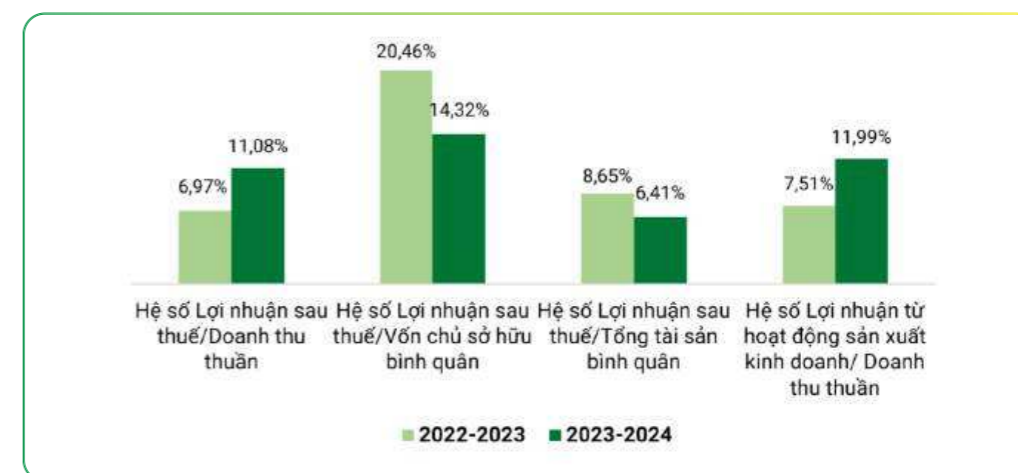


Chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty niên độ 2023-2024 có sự chênh lệch nhiều so với niên độ 2022-2023. Cụ thể vòng quay hàng tồn kho giảm 7,97 vòng, vòng quay tổng tài sản cũng giảm từ 1,24 xuống còn 0,58 vòng so với cùng kỳ năm trước. Chủ yếu đến từ sự giảm mạnh của doanh thu thuần và giá vốn hàng bán, trong khi đó hàng tồn kho lại tăng lên đáng kể. Cụ thể, trong niên độ năm nay giá vốn hàng bán giảm 55,17% so với cùng kỳ và doanh thu thuần giảm 49,06% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù đối mặt với những thách thức từ sản lượng đường tiêu thụ giảm mạnh nhưng xét về tổng quan, Công ty vẫn đảm bảo hoạt động kinh doanh và phấn đấu phát triển ổn định và đem lại hiệu quả trong tương lai.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

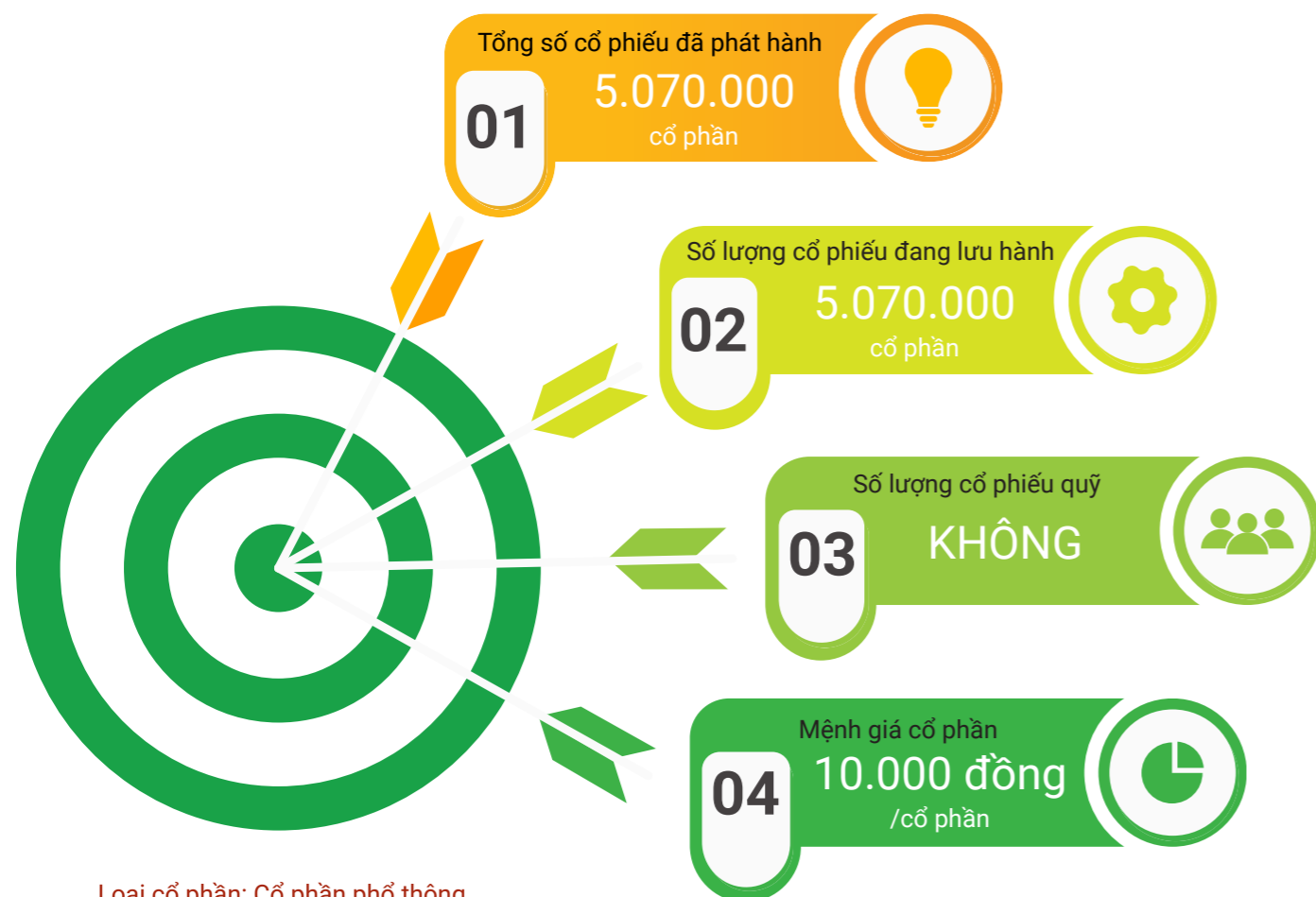
Trong năm kinh tế vừa qua, tình hình địa chính trị vẫn còn căng thẳng, việc đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu đã làm cho giá nguyên vật liệu leo thang cộng thêm nhiều thách thức bủa vây từ sức mua giảm đã làm cho sản lượng tiêu thụ đường của KTS giảm đi đáng kể. Chịu sự ảnh hưởng trực tiếp từ thị trường tiêu thụ hàng hóa, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của KTS đều có sự phân hóa đa dạng. Tại thời điểm cuối niên độ 2023-2024, ghi nhận hệ số lợi nhuận hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần (LN HĐKD/DTT) tăng 4,48% đạt 11,99%, hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần (ROS) tăng 4,11% đạt 11,08%, mặt khác hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản bình quân (ROA) giảm 6,41%, hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE) giảm 6,13% khi lần lượt đạt 6,41% và 13,32%. Nguyên nhân chính là sự tăng không đồng đều giữa tổng tài sản, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế, trong đó, lợi nhuận sau thuế đã giảm 19,06%, vốn chủ sở hữu tăng 11,74%, và tổng tài sản gần như đi ngang khi chỉ tăng 0,32%.

Trong thời gian tới, Công ty kỳ vọng rằng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ trở nên thuận lợi hơn nhờ vào việc được hưởng lợi từ các hoạt động thúc đẩy và khuyến khích mở rộng vùng nguyên liệu, kiểm soát đường nhập lậu đảm bảo cạnh tranh công bằng, kích thích cung - cầu trong nước



2 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN



DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu/Vốn lưu động
1	Công ty TNHH Kim Hà Việt	760.500	15%
2	Nguyễn Tất Đạt	358.800	7,08%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong niên độ 2023-2024, Công ty không thực hiện thay đổi vốn điều lệ.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC Không có

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	227	5.066.750	99,94%
1	Cá nhân	224	4.292.660	84,67%
2	Tổ chức	3	774.090	15,27%
II	Cổ đông nước ngoài	5	3.250	0,06%
1	Cá nhân	4	2.750	0,05%
2	Tổ chức	1	500	0,01%
Tổng cộng		232	5.070.000	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: Công ty đang thực hiện rà soát tỷ lệ SHNN tối đa theo quy định hiện hành.



2

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



Phát triển bền vững đòi hỏi sự kết hợp hợp lý và hài hòa giữa ba yếu tố: kinh tế, xã hội và môi trường. Trong hai thập kỷ gần đây, trên phạm vi toàn cầu, phát triển bền vững đã trở thành một vấn đề ngày càng được chú trọng và là yêu cầu cấp thiết đối với sự phát triển toàn cầu. Đó là xu hướng mà toàn nhân loại đang nỗ lực đạt tới. Phát triển bền vững cũng là mục tiêu chiến lược quan trọng, là chủ trương, đường lối và chính sách mà Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam quyết tâm thực hiện.

Tác động lên môi trường

Quản lý các vấn đề môi trường trong chuỗi giá trị kinh doanh không chỉ để tuân thủ quy định pháp luật, mà còn thể hiện cam kết của doanh nghiệp trong việc hướng đến phát triển bền vững. Việc kiểm soát các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường giúp công ty tạo ra một môi trường làm việc sạch sẽ, giảm thiểu ô nhiễm, bảo đảm sức khỏe và điều kiện sống cho người lao động cũng như các bên liên quan, đặc biệt là những người trực tiếp đối mặt với tác động và rủi ro từ môi trường làm việc.

Mặc dù quá trình sản xuất mía đường chỉ tạo ra chất thải hữu cơ và không chứa hóa chất độc hại, nhưng nếu không có công nghệ xử lý thích hợp, nguy cơ gây hại cho môi trường vẫn rất cao. Hoạt động sản xuất đường mía sinh ra lượng lớn chất thải dưới ba dạng: khí thải, nước thải và chất thải rắn.

Khí thải

Trong quá trình sản xuất đường, lượng khí thải gây ô nhiễm môi trường không khí không quá lớn. Khí thải chủ yếu phát sinh từ lò hơi sử dụng bã mía làm nhiên liệu và từ quá trình xử lý nước mía bằng CO₂ hoặc SO₂. Khí thải từ lò hơi được xử lý qua hệ thống cyclone tách bụi ẩm hoặc cyclone thủy lực, đảm bảo hiệu quả tách bụi cao.

Chất thải rắn

Quá trình sản xuất đường từ cây mía sẽ sinh ra một số phụ phẩm như bã mía, mật rỉ, bùn lọc... Trong đó, bã mía chiếm 26,8 – 32% lượng mía ép, với độ ẩm khoảng 50%; mật rỉ chiếm 3 – 5% trọng lượng mía đem ép với các thành phần là nước, đường saccharose, đường khử, tro, protein... mật rỉ hiện được sử dụng cho sản xuất mì chính và sản xuất cồn, nấm men... Bên cạnh đó, phần cặn bã còn lại sau khi chế biến đường là bùn lọc, bùn có độ ẩm 75 – 77%, chiếm 3,82 – 5,07% lượng mía ép.

Nước thải

Công nghệ sản xuất đường mía sử dụng lượng nước rất lớn cho nhiều mục đích khác nhau, với mức tiêu hao nước dao động từ 13 - 15m³/tấn mía ép. Trong đó, nước thải từ quá trình rửa nhà xưởng, làm mát trực tiếp, vệ sinh thiết bị, và giặt băng tải tách bùn có hàm lượng chất hữu cơ cao, chiếm 6 - 10% tổng lượng nước thải và cần được xử lý kỹ lưỡng.



Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính

- » Sử dụng dây chuyền sản xuất với công nghệ hiện đại, tiên tiến nhằm giảm thiểu tối đa hoặc loại bỏ hoàn toàn phát thải.
- » Duy trì và bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý chất thải để đảm bảo hoạt động ổn định và hiệu quả.
- » Thực hiện quan trắc môi trường định kỳ để đánh giá hiệu suất của hệ thống xử lý chất thải tại các nhà máy.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Trong những năm qua, các cơ quan, địa phương liên quan cùng Công ty Cổ phần Đường Kon Tum đã nỗ lực xây dựng và phát triển vùng nguyên liệu, tổ chức sản xuất, hỗ trợ thu mua, và đầu tư vào công nghệ chế biến mía đường. Công ty đã ký kết hợp đồng liên kết với hơn 750 hộ dân và 2 hợp tác xã sản xuất mía trên địa bàn tỉnh Kon Tum, với tổng diện tích canh tác hơn 1.700 ha. Đồng thời, công ty dự kiến triển khai nhiều giải pháp hỗ trợ vốn, thu mua, vận chuyển, và xử lý rủi ro khi xảy ra thiên tai nhằm phát triển bền vững vùng nguyên liệu mía trong các niên độ tới.

Tiêu thụ năng lượng

Ban lãnh đạo công ty luôn chú trọng việc tối ưu hóa các hoạt động sản xuất kinh doanh để giảm chi phí và đồng thời hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường. Công ty đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng định mức sử dụng năng lượng cho tất cả các văn phòng và nhà máy, đồng thời thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình sử dụng năng lượng. Công ty cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động truyền thông nội bộ nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của cán bộ công nhân viên. Hoạt động tiêu thụ năng lượng tại các nhà máy tuân thủ các tiêu chuẩn và định mức cần thiết để đảm bảo hệ thống vận hành hiệu quả.

Trong năm qua, nhiều sáng kiến về sử dụng năng lượng hiệu quả đã được nhân viên công ty tích cực tham gia, sáng tạo và trao đổi ý kiến. Các sáng kiến này, bao gồm thiết kế lại quy trình, nâng cấp thiết bị, thay đổi hành vi và nhận thức của người lao động, cùng những cải tiến trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đã nhận được sự quan tâm từ Ban lãnh đạo.



2 BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh bền vững, Công ty đã và đang tích cực triển khai nhiều chương trình hoạt động an sinh, xã hội. Thông qua các hoạt động này, Công ty mong muốn lan tỏa tình yêu thương và nguồn năng lượng tích cực, góp phần nâng cao giá trị sống tốt đẹp cho cộng đồng. Bên cạnh việc ủng hộ quỹ an sinh xã hội định kỳ hàng năm, Công ty còn tham gia vào các hoạt động tài trợ và hỗ trợ khác.

Trong năm, Công ty Cổ phần Đường Kon Tum tiếp tục thực hiện nhiều chính sách khuyến khích và hỗ trợ người trồng mía, bao gồm việc tuyển chọn và hỗ trợ nông dân đưa các giống mía mới có năng suất và chất lượng cao vào canh tác như KK3, KK4, CYZ08 - 1609, NSUT10 - 266. Công ty tạo điều kiện cho người trồng mía mua giống, phân bón, và thuốc bảo vệ thực vật trước, và thu hồi vốn khi thu hoạch. Công ty cũng hỗ trợ không hoàn lại cho diện tích đất chuyển từ cây khác sang trồng mía với mức hỗ trợ 3 triệu đồng/ha; hỗ trợ tiền cày đất hoặc khoan hố từ 3,5 - 4,8 triệu đồng/ha; và hướng dẫn quy trình kỹ thuật canh tác và thu hoạch mía. Thêm vào đó, công ty còn hỗ trợ trồng, chăm sóc mía bằng máy và hệ thống tưới nước tự động cho các tổ chức và cá nhân liên kết trồng mía trên cánh đồng lớn.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty nhận thức rõ tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường và đã xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường, giúp mỗi cán bộ công nhân viên từ cấp cao nhất đến cấp thấp nhất đều ý thức về trách nhiệm bảo vệ môi trường. Các hoạt động của công ty không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, và lượng nhiên liệu tiêu thụ qua các năm cho thấy lượng phát thải không tăng hoặc chỉ tăng không đáng kể. Trong niên độ 2023-2024, Công ty không vi phạm bất kỳ quy định nào và không bị xử phạt liên quan đến lĩnh vực môi trường.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Không có



Tiêu thụ nước

Chung tay cùng với Chính phủ, các tổ chức và cá nhân nhằm giảm thiểu tối đa những tác động tiêu cực đến môi trường nước. Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về bảo vệ môi trường và hành động theo phương châm cùng cộng đồng bảo vệ môi trường sống, khuyến khích cán bộ công nhân viên sử dụng nước tiết kiệm. Công ty cũng đầu tư vào việc xây dựng và nâng cấp hệ thống xử lý nước thải để đảm bảo nước thải luôn đạt yêu cầu quy chuẩn quốc gia trước khi thải ra môi trường.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



- 42 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 44 Tình hình tài chính
- 46 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 47 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 48 Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- 49 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty



KTS



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TỔNG QUAN VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
SẢN XUẤT KINH DOANH



Năm 2023, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn thách thức, hầu hết các nền kinh tế trên thế giới đều có mức tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng do tổng cầu suy giảm; lạm phát đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao; chính sách tiền tệ thắt chặt, nợ công thế giới đã tăng lên mức kỷ lục, xung đột quân sự giữa Nga và Ukraine phức tạp hơn, bất ổn địa chính trị, an ninh lương thực, thiên tai, biến đổi khí hậu... ngày càng gia tăng.

Sáu tháng đầu năm 2024 kinh tế thế giới dần hồi phục nhưng bấp bênh, đối mặt với nhiều rủi ro, bất định. Giá xăng dầu, nguyên vật liệu, giá cước vận tải và giá vàng thế giới biến động mạnh, tạo sức ép lên lạm phát và tăng trưởng toàn cầu. Căng thẳng địa chính trị dai dẳng, có thể leo thang lên mức nguy hiểm, vấn đề biển Đông, mức nợ cao và tính bấp bênh của các nền kinh tế tác động tiêu cực đến mô hình thương mại toàn cầu. Trong nước, kinh tế nước ta vẫn đối mặt với những khó khăn thách thức không hề nhỏ của nền kinh tế có độ mở lớn, tổng cầu tiêu dùng phục hồi chậm, đan xen với thách thức mang yếu tố chủ quan từ nội tại của nền kinh tế.

Trước bối cảnh trên, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã áp dụng chính sách thu mua mía linh hoạt, kịp thời, quyết định thời điểm, giá cả tiêu thụ hàng hóa phù hợp, tiết giảm các khoản chi phí nhằm giảm giá thành sản phẩm, vì vậy mặc dù chỉ tiêu tổng doanh thu đạt thấp so với kế hoạch nhưng lợi nhuận sau thuế niên độ 2023-2024 của Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 giao là 10,80%.

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm qua chịu tác động bởi giá nguyên vật liệu, nhiên liệu tăng cao làm tăng chi phí sản xuất của Công ty. Gian lận thương mại đường nhập khẩu diễn ra liên tục, mặc dù các cơ quan chức năng đã tăng cường kiểm soát, song các đối tượng hoạt động phức tạp và tinh vi, gây khó khăn trong việc ngăn chặn đường nhập lậu. Giá đường thế giới đang trên đà suy giảm cộng với gian lận thương mại chưa được kiểm soát triệt để gây áp lực cho công tác tiêu thụ, kéo theo giá đường trong nước giảm, lượng đường tồn kho của Công ty tăng cao.

STT	CHỈ TIÊU	KH 2023-2024	TH 2023-2024	Tỷ lệ % TH/KH
1	Doanh thu thuần	517.750	278.961	53,88%
2	Lợi nhuận trước thuế	28.500	31.424	110,26%
3	Lợi nhuận sau thuế	27.900	30.913	110,80%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	01/07/2023		30/06/2024		Tỷ lệ % tăng/ giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	283.160	58,81%	279.685	57,90%	(1,23%)
Tài sản dài hạn	198.352	41,19%	203.387	42,10%	2,54%
Tổng tài sản	481.512	100,00%	483.073	100,00%	0,32%



Theo báo cáo tài chính kiểm toán niên độ 2023-2024, tổng tài sản KTS ghi nhận đạt 483.073 triệu đồng, tăng 0,32% so với cùng kỳ năm trước. Xét về cơ cấu tổng tài sản, tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao hơn tài sản dài hạn.

Tính đến cuối niên độ 2023-2024, tài sản ngắn hạn của Công ty đạt 279.685 triệu đồng, giảm 1,23% so với cuối niên độ 2022-2023. Trong đó, chiếm tỷ trọng lớn nhất là hàng tồn kho khi ghi nhận đạt 150.722 triệu đồng, tăng 427,04%, trong đó, giá trị thành phẩm tồn kho là 128.467 triệu đồng do khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm. Mặt khác, các khoản phải thu ngắn hạn đã giảm 56,22%, chỉ còn 109.579 triệu đồng chủ yếu là khoản thanh toán từ các khách hàng là các bên liên quan của Công ty.

Tài sản dài hạn chiếm 42,10% tỷ trọng tổng tài sản, có giá trị đạt 203.387 triệu đồng tại thời điểm ngày 30/06/2024, tăng 2,54% tương đương tăng 5.035 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước. Theo đó, tỷ trọng cao nhất thuộc về tài sản cố định đạt 88,27%, giảm 8,23% so với cùng kỳ năm trước. Nổi bật trong cơ cấu tài sản dài hạn năm nay là sự tăng trưởng của tài sản dở dang dài hạn khi Công ty đang thực hiện xây dựng dự án tiết kiệm hơi, ổn định công suất 2.400 TMN với chi phí xây dựng ghi nhận đạt 21.170 triệu đồng để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	01/07/2023		30/06/2024		Tỷ lệ % tăng/ giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	239.815	86,38%	227.437	89,10%	(5,16%)
Nợ dài hạn	37.828	13,62%	27.828	10,90%	(26,44%)
Tổng nợ phải trả	277.643	100,00%	255.265	100,00%	(8,06%)



Tại thời điểm niên độ 2023-2024, nợ phải trả của Công ty có xu hướng giảm xuống, giảm 8,06% tương ứng với giá trị là 22.378 triệu đồng so với cùng kỳ niên độ 2022-2023. Theo báo cáo tài chính kiểm toán niên độ 2023-2024, nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng rất lớn (khoảng 89,10%), hiện tại, KTS ưu tiên chiến lược sử dụng nợ ngắn hạn để bổ sung cho vốn lưu động của Công ty, thực hiện thanh toán tiền mua thu mua từ các hộ dân liên kết.

Trong kỳ, Công ty đã chi 10.000 triệu đồng để trả nợ vay dài hạn, do đó nợ dài hạn đã giảm 26,44% so với cùng kỳ, hiện khoản vay dài hạn chỉ còn 27.828 triệu đồng và chiếm tỷ trọng 10,90% trong cơ cấu nợ phải trả. Đây là một dấu hiệu tích cực cho thấy sự cải thiện trong tình hình tài chính của công ty và khả năng quản lý nợ. Việc duy trì tỷ trọng nợ dài hạn ổn định và không có sự gia tăng đột biến cho thấy công ty đã thực hiện quản lý nợ một cách cẩn thận, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế đầy biến động và không chắc chắn. Đồng thời, Công ty chủ trương duy trì cấu trúc tài chính ở mức an toàn, nhằm hạn chế rủi ro về dòng tiền và đảm bảo khả năng đối phó linh hoạt với những thay đổi trên thị trường.



CÔNG TÁC TỔ CHỨC, LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG

- » Niên độ 2023-2024, Công ty tiếp tục sắp xếp lại lao động, nhằm đảm bảo bộ máy tinh gọn và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong tình hình mới.
- » Công ty luôn chăm lo đến đời sống và thu nhập của người lao động, tiền lương, thưởng lễ được thanh toán đầy đủ, kịp thời; các chế độ chính sách của người lao động được thực hiện đúng theo quy định của luật lao động.
- » Công ty thường xuyên quan tâm đến công tác tuyên truyền, huấn luyện an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ để nâng cao nhận thức cho người lao động.
- » Thực hiện tốt việc cải thiện điều kiện làm việc, môi trường lao động, tạo điều kiện cho người lao động được làm việc trong môi trường đảm bảo an toàn, vệ sinh sạch sẽ nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, hoạt động sản xuất hiệu quả, bền vững; phòng ngừa, ngăn chặn tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp
- » Năm 2023-2024, sau kết thúc vụ sản xuất, Công ty đã tổ chức cho người lao động đi tham quan du lịch trong và ngoài nước, tạo nên sự gắn kết giữa người lao động với Công ty và thể hiện sự quan tâm chăm lo của lãnh đạo Công ty đối với người lao động.



CÔNG TÁC TÀI CHÍNH

Công tác Tài chính của Công ty được quản lý chặt chẽ, tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh, vốn được bảo toàn, đảm bảo lợi ích của cổ đông và người lao động. Các khoản chi phí được kiểm soát chặt chẽ và hết sức tiết kiệm, đây cũng là nguyên nhân quan trọng làm tăng lợi nhuận của Công ty. Mọi hoạt động đều được kiểm tra và giám sát bởi Ban kiểm soát. Công tác thông tin, báo cáo kịp thời, quyết toán đúng theo quy định, đảm bảo cho việc điều hành và kinh doanh đạt hiệu quả.

CÔNG TÁC TIÊU THỤ SẢN PHẨM

Niên độ 2023-2024, công tác tiêu thụ sản phẩm gặp nhiều khó khăn, tốc độ bán hàng chậm, nguyên nhân chủ yếu là do đường nhập lậu chưa được kiểm soát triệt để, đây cũng là nguyên nhân dẫn đến Công ty không hoàn thành kế hoạch doanh thu. Công tác tiêu thụ sản phẩm được Hội đồng quản trị quản lý chặt chẽ, Ban điều hành thực hiện đúng chính sách bán hàng được Hội đồng quản trị phê duyệt.

KẾ HOẠCH SXKD NIÊN ĐỘ 2024-2025

Trên cơ sở phân tích những triển vọng và thách thức nội tại, Ban điều hành xây dựng các mục tiêu kế hoạch kinh doanh niên độ 2024-2025 như sau:

- Tổng doanh thu thuần: **493.400 triệu đồng**
- Lợi nhuận trước thuế TNDN: **26.800 triệu đồng**
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: **26.400 triệu đồng**

MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Để thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch nêu trên, đồng thời định hướng phát triển cho Công ty trong những năm tiếp theo, Ban điều hành đề ra một số giải pháp thực hiện, cụ thể như sau:

VỀ CÔNG TÁC NGUYÊN LIỆU

Công ty cần tập trung một số vấn đề cơ bản như sau:

- » Tiếp tục làm việc với chính quyền địa phương các cấp rà soát, tìm kiếm quỹ đất để phát triển mở rộng thêm diện tích vùng nguyên liệu trong tỉnh cho các năm tiếp theo.
- » Tiếp tục tham mưu cho Hội đồng quản trị ban hành chính sách đầu tư, thu mua phù hợp để khuyến khích bà con gắn bó lâu dài với cây mía.
- » Tăng cường công tác tuyên truyền vận động, tổ chức lồng ghép vào các buổi họp, các hội nghị, các Thôn, làng để phổ biến các chính sách đầu tư, thu mua của Công ty. Tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn mô hình canh tác mới bằng phương pháp cơ giới hóa đồng bộ nhằm phát triển, mở rộng diện tích mía ổn định và bền vững.
- » Tích cực vận động mở rộng diện tích trồng mía tại các huyện trọng điểm của vùng nguyên liệu Công ty, đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động tại các huyện mà lâu nay cây mía chưa có hoặc còn ít để mở rộng vùng nguyên liệu trong tỉnh Kon Tum.
- » Tiếp tục khảo nghiệm, cơ cấu lại giống mía phù hợp với thổ nhưỡng, khí hậu của địa bàn tỉnh Kon Tum, tìm kiếm các giống mía mới cho năng suất và chữ đường cao; áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến vào canh tác cây mía để tăng năng suất mía bình quân từ 80 tấn/ha trở lên và chữ đường bình quân đạt ≥ 10 CCS, nhằm tăng thu nhập cho bà con nông dân trồng mía.



KHỐI SẢN XUẤT CHẾ BIẾN ĐƯỜNG

- » Rà soát, đánh giá lại dây chuyền sản xuất để đầu tư bổ sung thiết bị nhằm tăng công suất ép, tăng hiệu suất thu hồi.
- » Tiếp tục nghiên cứu áp dụng công nghệ mới vào sản xuất chế luyện, nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng sản phẩm, giảm tỷ lệ tiêu hao mía/đường; tiếp tục rà soát tiết giảm các khoản chi phí, thực hành tiết kiệm trong mọi lĩnh vực nhằm hạ giá thành sản phẩm, đủ sức cạnh tranh với thị trường.
- » Kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên liệu đầu vào, kiểm soát các chỉ tiêu tránh rò rỉ, thất thoát trên dây chuyền để nâng cao hiệu suất thu hồi.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

KHOẢNG PHỒNG BAN NGHIỆP VỤ, PHỤC VỤ

- » Xây dựng kế hoạch kinh doanh, phân khúc thị trường tiêu thụ trong tỉnh, ngoài tỉnh, các khách hàng truyền thống để làm cơ sở lập kế hoạch tiêu thụ. Luôn tạo mối quan hệ mật thiết, bền vững với các khách hàng truyền thống của Công ty nhằm tiêu thụ hết sản phẩm, đảm bảo đem lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty. Lắng nghe ý kiến kiến nghị của khách hàng từ đó có những điều chỉnh cần thiết trong quản trị doanh nghiệp, chất lượng sản phẩm phục vụ tốt hơn cho khách hàng, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.
- » Tiếp tục kiện toàn lại bộ máy quản lý, điều hành, rà soát định biên, bố trí lại nguồn nhân lực ở các phòng ban chuyên môn và các tổ sản xuất theo hướng tinh gọn, đảm bảo đủ năng lực và phù hợp với cương vị công tác để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao theo yêu cầu mới.
- » Chấp hành nghiêm túc quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, quan tâm và đầu tư thích đáng cho công tác bảo vệ môi trường, hệ thống xử lý nước thải, vệ sinh công nghiệp để đáp ứng yêu cầu về môi trường theo quy định.
- » Bắt đầu chương trình tuyển dụng và đào tạo nhân sự kế thừa.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2023, đơn vị kiểm toán Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp thuận toàn phần đối với báo cáo của Công ty, vì vậy Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Công ty tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật liên quan đến Luật Môi trường, coi đây là trách nhiệm pháp lý và tiêu chí quan trọng trong việc thực hiện đầy đủ, đúng đắn và hiệu quả các biện pháp bảo vệ môi trường. Công ty không chỉ tìm cách tối đa hóa việc giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường mà còn tập trung vào việc phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng hiện đại và bền vững.



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Để tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động trong quá trình làm việc tại công ty, Ban Tổng Giám đốc luôn chú trọng đến các chính sách phúc lợi, đảm bảo việc chi trả lương đầy đủ và đúng thời hạn, và thực hiện các chế độ liên quan được thỏa thuận trong hợp đồng lao động, theo điều lệ và quy chế của Công ty. Hằng năm, Công ty đảm bảo người lao động được tham gia đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy định.

Ngoài ra, Công ty luôn lắng nghe và tiếp thu ý kiến phản hồi từ người lao động để có những điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế. Những đóng góp có giá trị sẽ được ghi nhận và khen thưởng xứng đáng. Công ty cũng cam kết đảm bảo môi trường làm việc an toàn, với đầy đủ ánh sáng, không khí trong lành, điều kiện vệ sinh đạt chuẩn và thực hiện nghiêm túc các chế độ an toàn lao động, bảo hộ lao động. Các phong trào thi đua được tổ chức sôi nổi, tạo không khí vui tươi, phấn khởi và đoàn kết trong toàn thể cán bộ công nhân viên của công ty.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Những năm qua, các cơ quan, địa phương liên quan và Công ty cổ phần Đường Kon Tum đã có nhiều cố gắng, nỗ lực trong xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu, tổ chức sản xuất, hỗ trợ thu mua, đầu tư công nghệ chế biến mía đường; qua đó đã góp phần nâng cao đời sống của người dân tham gia trồng mía, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Ngoài ra, Công ty đặt mục tiêu bảo vệ môi trường lên hàng đầu, luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về giữ gìn và bảo vệ môi trường. Qua đó, quy trình xử lý chất thải tại Công ty được thực hiện một cách nghiêm túc nhằm hạn chế tối đa các tác động đến môi trường gây ảnh hưởng đến người dân địa phương.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



52

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

52

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty

53

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



KTS

4 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Niên độ 2023-2024, nền kinh tế thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, toàn diện hơn, làm gia tăng căng thẳng địa chính trị; xung đột Nga – Ukraine diễn biến phức tạp, giao tranh ở khu vực Trung đông đã tác động tiêu cực tới quá trình hồi phục kinh tế thế giới sau đại dịch Covid-19.

Tuy lạm phát đã hạ nhiệt nhưng vẫn còn ở mức cao, nhiều quốc gia duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất cao; thương mại, tiêu dùng và đầu tư toàn cầu dần hồi phục nhưng vẫn còn bấp bênh; hàng rào bảo hộ, phòng vệ thương mại gia tăng ảnh hưởng đến hoạt động xuất, nhập khẩu của khu vực và thế giới. Bước sang niên độ 2023-2024, ngành mía đường tiếp tục gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là biến đổi khí hậu, hiện tượng ElNino diễn ra khá nghiêm trọng khiến tình trạng khô hạn, nắng nóng của tỉnh Kon Tum và các tỉnh Tây Nguyên khá gay gắt.

Trước tình hình đó HĐQT Công ty đã có chỉ đạo, định hướng kịp thời để Ban điều hành triển khai các giải pháp kinh doanh, thực hiện các biện pháp kiểm soát chi phí, hoàn thành các mục tiêu chiến lược mà ĐHQĐĐ giao phó, cụ thể như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch 2023-2024	Thực hiện 2023-2024	Tỷ lệ % TH/KH
1	Tổng doanh thu thuần	Triệu đồng	517.750	278.961	53,88%
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	28.500	31.424	110,26%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	27.900	30.913	110,80%

4 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Niên độ 2023-2024, Tổng Giám đốc và các thành viên khác của Ban điều hành đã chủ động nắm bắt tình hình, xác định đúng cơ hội và thách thức, hoàn thành tốt các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty, Tổng Giám đốc và người điều hành khác đã kịp thời tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định Hội đồng Quản trị theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, các Quy chế quản lý nội bộ và quy định của pháp luật.

Ban điều hành nhận được sự ủng hộ tích cực của chính quyền địa phương các cấp, chú trọng trong công tác phát triển vùng nguyên liệu vì vậy diện tích mía đưa vào thu hoạch vụ 2023-2024 tăng lên đáng kể so với các vụ trước.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Hội đồng quản trị đánh giá niên độ 2023-2024 Tổng Giám đốc Công ty và người điều hành khác đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

4 CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong điều kiện kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn, thách thức bởi xung đột Nga – Ukraine, hoạt động buôn lậu và gian lận thương mại mặt hàng đường (hàng sản xuất xuất khẩu, hàng tạm nhập tái xuất...) trong nước vẫn chưa được kiểm soát triệt để. Biến đổi khí hậu ảnh hưởng lớn đến năng suất, chất lượng nhiều vùng trồng mía nguyên liệu. Giá cả vật tư Nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) và các loại hóa chất công nghiệp tăng mạnh.

Trong những năm gần đây ngành mía đường Việt Nam đã có sự phục hồi đáng kể dưới tác động của giá đường thế giới tăng cao và các biện pháp phòng vệ thương mại mà nhà nước Việt Nam đã thực hiện. Tuy nhiên thời hạn áp dụng thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp sản phẩm đường mía từ Thái Lan theo Quyết định số 1578/QĐ-BCT, ngày 15/6/2021 của Bộ Công thương sẽ hết hiệu lực vào ngày 16/6/2026, ngoài ra trong thời gian này Bộ Công thương sẽ tiếp tục rà soát để điều chỉnh mức thuế suất CBPG và CTC. Sau giai đoạn này các doanh nghiệp mía đường Việt Nam phải đối mặt với sự cạnh tranh không lành mạnh của hàng nhập khẩu từ Thái Lan.

Để ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, vượt qua khó khăn thách thức, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông; đồng thời tạo việc làm, ổn định đời sống cho người lao động, Hội đồng Quản trị đề ra một số giải pháp thực hiện định hướng như sau:

Về vùng nguyên liệu:

- Tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các chính sách đầu tư hỗ trợ và phục vụ người trồng mía một cách thiết thực, hiệu quả để phát triển vùng Nguyên liệu mía; từng bước ổn định vùng Nguyên liệu trọng điểm trên địa bàn tỉnh Kon Tum.
- Tiếp tục làm việc các cấp chính quyền địa phương của tỉnh Kon Tum để rà soát tìm kiếm quỹ đất, phát triển thêm diện tích mía trong niên vụ 2024-2025 và những năm tiếp theo.
- Tập trung chỉ đạo sâu sát, có hiệu quả công tác đầu tư phát triển mía trong vùng, phấn đấu đến năm 2026 cơ bản vùng nguyên liệu đáp ứng được công suất của nhà máy.
- Tăng cường công tác khảo nghiệm, cơ cấu các loại giống mía mới có năng suất, chữ đường cao, thay thế các loại giống mía cũ hiện đang sản xuất để nâng cao thu nhập cho người trồng mía.

Về công tác sản xuất:

- Tăng cường quản lý sản xuất từ khâu nguyên liệu đầu vào đến chất lượng đường thành phẩm. Xây dựng thương hiệu Đường RS của Công ty cổ phần Đường Kon Tum có tiêu chuẩn chất lượng cao đủ sức cạnh tranh với các sản phẩm tương tự trong nước và nhập khẩu.
- Thường xuyên cập nhật, nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ thế giới vào công tác sản xuất để giảm giá thành sản phẩm.
- Đầu tư thêm thiết bị để ổn định công suất, nâng cao hiệu suất thu hồi và chất lượng sản phẩm.

Về tài chính:

- Quản lý chặt chẽ chi phí, nâng cao năng lực quản trị tài chính, giám sát chặt chẽ công tác đầu tư và sử dụng vốn hiệu quả, đảm bảo phát triển liên tục, ổn định, bền vững.

Về nhân sự:

- Tiếp tục kiện toàn lại bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn, năng động với đội ngũ cán bộ có trình độ quản lý và chuyên môn cao. Xây dựng cơ chế lãnh đạo, quản lý mới một cách có hệ thống, tiếp thu các tri thức kinh doanh mới để nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp.
- Xây dựng chính sách sử dụng và đãi ngộ đối với người lao động nhằm phát huy năng lực và khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân, phục vụ cho mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY



56 Hội đồng quản trị

61 Ban Kiểm soát

66 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát



KTS

5 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tính tại ngày 30/06/2024)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Đặng Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	0	0%
2	Ông Trần Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT không điều hành	74.529	1,47%
3	Ông Thái Văn Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	0	0%



01 ÔNG ĐẶNG VIỆT ANH

Chủ tịch HĐQT

Ngày sinh	14/09/1978
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Quá trình công tác	
2006 – 2007	Công tác tại CTCP Chứng khoán Ngân hàng phát triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long
2007 – 2008	Công tác tại CTCP Chứng khoán Việt Quốc
2009 – 2010	Công tác tại Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước – Chi nhánh khu vực phía Nam
2006 – 2010	Thành viên HĐQT CTCP Mía đường Đắk Nông
2010 – 2011	Thành viên HĐQT CTCP XNK Lâm Thủy sản Bến Tre
2013 – 2015	Thành viên HĐQT CTCP Đường Kon Tum
07/2015 – nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Đường Kon Tum
10/2015 – nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Mía đường Sơn La
03/2023 – nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Dược phẩm Tipharco
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	<ul style="list-style-type: none"> Chủ tịch HĐQT CTCP Dược phẩm Tipharco Chủ tịch HĐQT CTCP Mía đường Sơn La
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	Bà Trần Thị Thái (Mẹ): 152.100 cổ phiếu, chiếm 3% vốn điều lệ



02 ÔNG TRẦN NGỌC HIẾU

Thành viên HĐQT

Ngày sinh	12/10/1956
Trình độ chuyên môn	10/10
Quá trình công tác	
1976 – 1981	Thực hiện nghĩa vụ quân sự, tham gia mặt trận chiến trường Campuchia
1982 – 1997	Kinh doanh Lương thực thực phẩm
2015 – nay	Thành viên HĐQT CTCP Đường Kon Tum
2015 – nay	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Mía đường Sơn La
10/2019 - nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Mía đường Cần Thơ
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Tổng Giám đốc
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	<ul style="list-style-type: none"> Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Mía đường Sơn La Chủ tịch HĐQT CTCP Mía đường Cần Thơ
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	74.529 cổ phiếu, chiếm 1,47% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	<ul style="list-style-type: none"> Tạ Ngọc Hương (Vợ): 251.000 cổ phần, chiếm 4,95% vốn điều lệ. Trần Ngọc Lan (Con): 250.000 cổ phần, chiếm 4,93% vốn điều lệ. Trần Ngọc Tuấn (Con): 246.532 cổ phần, chiếm 4,86% vốn điều lệ. Bà Trần Thị Thái (Chi): 152.100 cổ phiếu, chiếm 3% vốn điều lệ.



03 ÔNG THÁI VĂN HÙNG

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Xem thông tin tại Chương 2 - Mục Tổ chức và nhân sự (Trang 24)

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban trực thuộc. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một cán bộ làm Thư ký Hội đồng quản trị; Khi cần thiết Hội đồng quản trị sử dụng cán bộ quản lý của Công ty để giúp việc cho Hội đồng quản trị.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm

Trong quá trình hoạt động Hội đồng quản trị luôn giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đều được xây dựng trên nguyên tắc tập thể, đảm bảo tính khách quan và tập trung trí tuệ của các thành viên Hội đồng quản trị, phù hợp với chức năng, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

Các thành viên chủ chốt của Ban điều hành và Ban kiểm soát được mời tham dự tại các phiên họp của Hội đồng quản trị hoặc nhận được đầy đủ tài liệu đối với các trường hợp lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.

Định kỳ hoặc bất thường Hội đồng quản trị tiến hành kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; đặc biệt giai đoạn trước khi vào vụ sản xuất Hội đồng quản trị đã tham gia họp trực tuyến, định kỳ 2 tuần/lần với Ban Tổng Giám đốc và Trưởng các đơn vị trực thuộc để chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, giải quyết những khó khăn vướng mắc của Ban điều hành, nhằm phát huy tối đa hiệu quả hoạt động của Công ty.

Sự quan tâm sâu sát của Hội đồng quản trị đã giúp cho hoạt động của Công ty ổn định, vượt qua khó khăn, thách thức và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu cơ bản của niên độ 2022-2023.

Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công, tham gia đầy đủ các hoạt động của Hội đồng quản trị, đóng góp tích cực vào việc hoàn thành kế hoạch chung của Công ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Hội đồng quản trị theo đúng quy định của pháp luật và của Điều lệ Công ty, luôn đồng hành và hỗ trợ kịp thời cho hoạt động của Ban điều hành.

Căn cứ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Hội đồng quản trị tự đánh giá, niên độ 2023-2024 tập thể Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Các cuộc họp Hội đồng quản trị

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 và tình hình thực tế của Công ty, niên độ 2023-2024, Hội đồng quản trị đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ, họp chuyên đề và họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất, ngoài ra Hội đồng quản trị còn tổ chức lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, Hội đồng quản trị đã ban hành 18 Nghị quyết, 07 Quyết định để triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 đề ra.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Đặng Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	04/04	100%
2	Ông Trần Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT không điều hành	04/04	100%
3	Ông Thái Văn Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	04/04	100%

Nội dung và kết quả của các cuộc họp.

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
I. Giai đoạn từ ngày 01/07/2023 - 31/12/2023			
1	53/NQ-HĐQT/2023	02/08/2023	Nghị quyết thông qua ngày ĐKCC THQ tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
2	56B/NQ-HĐQT/2023	17/08/2023	Nghị quyết thông qua kế hoạch mua vật tư, hóa chất phục vụ sản xuất vụ 2023-2024.
3	58/NQ-HĐQT/2023	25/08/2023	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng.
4	60/NQ-HĐQT/2023	30/08/2023	Nghị quyết thông qua nội dung chương trình Đại hội, Tài liệu ĐHĐCĐ TN 2023
5	62B/NQ-HĐQT/2023	26/09/2023	Nghị quyết thông qua bán vật tư, thiết bị
6	64/NQ-HĐQT/2023	24/10/2023	Nghị quyết thông qua họp HĐQT định kỳ quý 1 niên độ 2023-2024.
7	65/NQ-HĐQT/2023	25/10/2023	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng.
8	67/NQ-HĐQT/2023	03/11/2023	Nghị quyết thông qua chi trả cổ tức niên độ 2022-2023.
9	75/NQ-HĐQT/2023	06/12/2023	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng.
10	78/NQ-HĐQT/2023	11/12/2023	Nghị quyết thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán soát xét BCTC bán niên và kiểm toán năm niên độ 2023-2024.
II. Giai đoạn từ ngày 01/01/2024 - 30/06/2024			
11	02/NQ-HĐQT/2024	03/01/2024	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng.
12	07/NQ-HĐQT/2024	02/02/2024	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng.
13	09/NQ-HĐQT/2024	06/02/2024	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng.
14	10/NQ-HĐQT/2024	19/02/2024	Nghị quyết thông qua họp HĐQT định kỳ quý 3 niên độ 2023-2024.
15	12/NQ-HĐQT/2024	07/03/2024	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng.
16	14/NQ-HĐQT/2024	05/04/2024	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng.
17	16/NQ-HĐQT/2024	26/04/2024	Nghị quyết thông qua họp HĐQT định kỳ quý 4 niên độ 2023-2024.
18	19/NQ-HĐQT/2024	22/06/2024	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng.



5 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
I. Giai đoạn từ ngày 01/07/2023 - 31/12/2023			
1	56/QĐ-HĐQT/2023	08/08/2023	Quyết định của HĐQT thông qua bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty.
2	61B/QĐ-HĐQT/2023	12/09/2023	Quyết định thông qua kế hoạch mua vật tư, hóa chất phục vụ sản xuất vụ 2023-2024.
3	70/QĐ-HĐQT/2023	20/11/2023	Quyết định của HĐQT thông qua kế hoạch vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh vụ 2023-2024.
4	76/QĐ-HĐQT/2023	06/12/2023	Quyết định của HĐQT thông qua đơn giá vận chuyển vụ 2023-2024.
5	79/QĐ-HĐQT/2023	11/12/2023	Quyết định của HĐQT thông qua chính sách thu mua vụ 2023-2024.
6	80/QĐ-HĐQT/2023	12/12/2023	Quyết định của HĐQT thông qua kế hoạch bán hàng vụ 2023-2024.
II. Giai đoạn từ ngày 01/01/2024 - 30/06/2024			
7	17/QĐ-HĐQT/2024	27/04/2024	Quyết định thông qua quyết toán tu bổ sửa chữa lớn 2023

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Thành viên HĐQT độc lập đã có nhiều góp ý hiệu quả trong việc hoạch định các chủ trương, chính sách phù hợp với tình hình thực tiễn.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có.

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các thành viên trong Ban lãnh đạo thường xuyên tham gia các hội thảo về Quản trị Công ty nhằm phát huy năng lực hoạt động, sự đóng góp đối với quá trình hoạt động của Công ty. HĐQT ý thức được vai trò quyết định của đội ngũ lãnh đạo, công tác đào tạo các chứng chỉ, chương trình về quản trị luôn được Công ty chú trọng.



5 BAN KIỂM SOÁT

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT (tính tại ngày 30/06/2024)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bà Trần Thị Nhi	Trưởng BKS	0	0,00%
2	Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên BKS	0	0,00%
3	Ông Nguyễn Đức Cần	Thành viên BKS	100	0,00%



01 BÀ TRẦN THỊ NHI Trưởng Ban Kiểm soát

Ngày sinh	25/10/1964
Trình độ chuyên môn	Đại học Kế toán
Quá trình công tác	
12/1984 - 06/1989	Phụ trách kế toán Trường dạy nghề nội thương Bình Trị Thiên
1989 - 03/2010	Phó phòng Kế toán, Kế toán trưởng và Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị
04/2010 - 09/2013	Phó Giám đốc CTCP Thương mại - dịch vụ Quảng Trị
10/2013	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Mía đường Sơn La
04/2014 - 10/2015	Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Mía đường Sơn La
10/2015 - 05/2016	Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Mía đường Sơn La
07/2015 - nay	Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Đường Kon Tum
05/2016 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Mía đường Sơn La
03/2022 - nay	Thành viên BKS CTCP Dược phẩm Tipharco
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Trưởng Ban Kiểm soát
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	<ul style="list-style-type: none"> Thành viên HĐQT CTCP Mía đường Sơn La Thành viên BKS CTCP Dược phẩm Tipharco
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	Không có

5 BAN KIỂM SOÁT



02 BÀ NGUYỄN THỊ THỦY

Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày sinh	13/03/1960
Trình độ chuyên môn	Đại học Tài chính - Kế toán
Quá trình công tác	
1985 – 1987	Công tác tại Cục Thuế Bình Dương
1987 – 2014	Công tác tại CTCP Đường Bình Dương
07/2015 – nay	Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Đường Kon Tum
05/2016 – nay	Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Mía đường Sơn La
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên Ban Kiểm soát
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Mía đường Sơn La
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	Không có



03 ÔNG NGUYỄN ĐỨC CẦN

Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày sinh	20/01/1971
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
1990 - 1992	Sinh viên ngành Điện, tại Trường Cơ điện Quy Nhơn
1996 - 1997	Học nghề Kiểm tra chất lượng Thực phẩm Trường Trung học Nông nghiệp Công nghiệp Thực phẩm Đà Nẵng
1997 - 12/2005	Tổ trưởng Tổ KCS tại Công ty Mía Đường Kon Tum
2002 - 2006	Học Đại học Quản trị Kinh doanh Trường Đại học Đà Nẵng
01/2006 - 08/2013	Nhân viên Phòng Kế hoạch Kinh Doanh - Tổng hợp CTCP Đường Kon Tum
09/2013 - nay	Phó phòng, Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính tại CTCP Đường Kon Tum
04/2016 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Đường Kon Tum
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên Ban Kiểm soát
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	100 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	Không có



5 BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của Ban Kiểm soát niên độ 2023-2024

Niên độ 2023-2024 BKS đã thực hiện các công việc chủ yếu như sau:

- » Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, giám sát công tác quản lý của Hội đồng quản trị (HĐQT); công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc (Ban TGD) và hoạt động SXKD của Công ty;
- » Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD của HQT và Ban TGD;
- » Theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT;
- » Giám sát tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình sử dụng, quản lý và bảo toàn vốn.
- » Kiểm tra việc ghi chép sổ sách kế toán, thẩm định báo cáo tài chính quý, bán niên và năm. Xem xét báo cáo của kiểm toán độc lập trong và sau quá trình kiểm toán.
- » Giám sát công tác kiểm kê tồn kho vật tư hàng hóa, thành phẩm, kiểm kê quỹ tiền mặt tại các đợt BKS làm việc tại Công ty.
- » Kiểm tra, giám sát việc chi trả cổ tức cho cổ đông.
- » Rà soát, kiểm tra, đánh giá các quy trình, chính sách trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện sai sót hoặc rủi ro tiềm ẩn, cảnh báo sớm và kiến nghị HĐQT, Ban TGD các giải pháp khắc phục.
- » Kiểm tra, soát xét việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- » Kiểm soát việc thực hiện các quy định về công bố thông tin của Công ty đối với UBCK nhà nước, Sở GDCK Hà Nội, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng tải trên website của Công ty.
- » Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT mở rộng. Báo cáo đánh giá và đóng góp ý kiến cho HĐQT, Ban TGD trong quá trình quản trị, điều hành và tổ chức hoạt động của Công ty.
- » Thực hiện các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của BKS.

Trong niên độ 2023-2024 BKS không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu kiểm tra hoạt động SXKD của Công ty, công tác quản lý của HĐQT hoặc công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc.

Niên độ 2023-2024 BKS đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ để triển khai chương trình công tác và đánh giá kết quả kiểm tra giám sát, tổ chức 03 cuộc kiểm tra trực tiếp hoạt động của Công ty để thực hiện các công việc nêu trên. Ngoài ra BKS cũng thường xuyên trao đổi nội bộ để cập nhật thông tin và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động;

Niên độ 2023-2024, BKS đã hoạt động đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy chế hoạt động của BKS. Thông qua hoạt động, BKS đã đưa ra các ý kiến đồng thời kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành (BĐH) về các biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và hoàn thành nhiệm vụ kiểm tra giám sát của Công ty.

Căn cứ các quy định của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của BKS, BKS tự đánh giá trong niên độ 2023-2024 tập thể BKS và từng Kiểm soát viên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.



Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, quản lý và giám sát toàn bộ hoạt động SXKD của Công ty, triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, quản lý, giám sát hoạt động SXKD của Công ty và công tác điều hành của Ban TGD. Các thành viên HĐQT theo nhiệm vụ được phân công luôn bám sát tình hình thực tế để kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, đề ra các chủ trương, giải pháp phù hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban TGD trong công tác điều hành.

HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất theo hình thức mở rộng để các thành viên BĐH, BKS cùng tham gia, đồng thời thông qua nhiều quyết định quan trọng bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT tập trung triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ, ban hành các chủ trương, giải pháp, chỉ đạo hoạt động SXKD của Công ty: Định hướng chiến lược phát triển công ty, chỉ đạo công tác mua nguyên vật liệu, bán sản phẩm hàng hóa của Công ty, hoàn thiện và đổi mới các chính sách đầu tư, hỗ trợ để mở rộng vùng nguyên liệu, chỉ đạo công tác đầu tư nâng cấp thiết bị, sửa chữa lớn hàng năm, công tác huy động vốn...

Công ty đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong hoạt động SXKD, công tác quản lý và công bố thông tin cũng như trong các giao dịch.

Ban TGD và người điều hành khác của doanh nghiệp đã điều hành hoạt động của Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Ban TGD đã bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, chủ động, linh hoạt trong công tác thu mua mía ngoài vùng vì vậy mặc dù sản lượng mía trong vùng còn thấp nhưng tổng sản lượng mía thu mua cơ bản đáp ứng công suất hoạt động của nhà máy, góp phần đáng kể trong việc giảm giá thành sản phẩm, tăng hiệu quả SXKD.

Ban kiểm soát đánh giá trong niên độ 2023-2024 công tác quản lý, chỉ đạo của HĐQT, công tác điều hành của Ban TGD và người điều hành khác phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Hội đồng quản trị, Ban TGD và người điều hành khác của doanh nghiệp đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao.

Số lượng các cuộc họp Ban Kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Trần Thị Nhi	Trưởng BKS	04/04	100%
2	Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên BKS	04/04	100%
3	Ông Nguyễn Đức Cần	Thành viên BKS	04/04	100%

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

Trong năm 2023-2024, BKS đã tổ chức bốn phiên họp định kỳ để triển khai các đợt kiểm tra trực tiếp hoạt động SXKD, thẩm định báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính bán niên soát xét và báo cáo tài chính niên độ 2023-2024; kiểm tra tình hình thu chi nội bộ; kiểm tra công tác đầu tư, thu mua nguyên liệu và thu hồi công nợ đầu tư vụ 2022-2023; kiểm tra công tác mua sắm vật tư, hóa chất, công tác tiêu thụ sản phẩm, các phụ phẩm sau đường và các hoạt động khác của Công ty.

5 CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ BKS

LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

ĐVT: Đồng

STT	Họ và Tên	Chức danh	Niên độ 2023-2024			Tổng thu nhập
			Thù lao	Thưởng	Lương + khác	
I Hội đồng quản trị						
1	Đặng Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	180.000.000			180.000.000
2	Trần Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT	96.000.000			96.000.000
3	Thái Văn Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	96.000.000	1.700.000	132.756.000	230.456.000
II Ban điều hành						
1	Đặng Thị Thu Hằng	Tổng Giám đốc		2.300.000	370.212.000	372.512.000
2	Nguyễn Hữu Quảng	Phó Tổng Giám đốc		1.700.000	167.178.441	168.878.441
2	Narayanasamy Ravichandran	Phó Tổng Giám đốc		1.700.000	116.994.000	118.694.000
3	Võ Thị Ái Thùy	Kế toán trưởng		2.300.000	140.154.063	142.454.063
III Ban kiểm soát						
1	Trần Thị Nhi	Trưởng BKS	96.000.000			96.000.000
2	Nguyễn Thị Thủy	TV BKS	48.000.000			48.000.000
3	Nguyễn Đức Cần	TV BKS	48.000.000	1.700.000	138.490.510	188.190.510

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CÔNG TY

Không có

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

Giao dịch giữa Công ty và người có liên quan được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Các giao dịch này được tiến hành một cách công khai và minh bạch, việc mua bán hàng hóa và dịch vụ với các bên liên quan được thực hiện theo cơ chế thị trường.

Giao dịch giữa người nội bộ Công ty, người liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát

Không có

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong quá trình hoạt động, quản trị công ty luôn là vấn đề được Công ty quan tâm, đặt lên hàng đầu để đảm bảo sự phát triển bền vững. Việc thực hiện quản trị tốt giúp đảm bảo hoạt động của Công ty được hiệu quả và có tính minh bạch, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.



06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



70 Ý kiến kiểm toán

72 Báo cáo tài chính được kiểm toán



KTS



RSM Việt Nam
 Tầng 3A, Tòa nhà L'Mak The Signature
 147-147Bis Hai Bà Trưng
 Phường Võ Thị Sáu, Quận 3
 TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 T +8428 3827 5026
 contact_hcm@rsm.com.vn
 www.rsm.global/vietnam

Số: 749/2024/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông
 Các thành viên Hội đồng Quản trị
 Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 08 năm 2024 từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD
 ASSURANCE | TAX | CONSULTING



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
 Phó Tổng Giám đốc
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
 0172-2023-026-1



Lê Việt Hà
 Kiểm toán viên
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
 4732-2024-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2024

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/07/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		279.685.477.523	283.159.881.612
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.318.106.444	4.204.069.409
1. Tiền	111	4.1	1.318.106.444	4.204.069.409
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		18.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	18.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		109.579.290.989	250.273.989.919
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	82.519.510.250	218.641.462.400
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	26.277.383.965	28.298.166.479
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		3.140.000.000	3.140.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.290.340.447	3.830.388.469
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(3.647.943.673)	(3.636.027.429)
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	150.722.239.965	28.597.933.202
1. Hàng tồn kho	141		152.495.492.531	30.455.041.262
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.773.252.566)	(1.857.108.060)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		65.840.125	83.889.082
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		65.840.125	83.889.082
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		203.387.124.221	198.352.032.371
I. Tài sản cố định	220		179.521.565.649	195.629.195.062
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	178.270.626.703	194.371.070.396
Nguyên giá	222		385.810.202.080	385.182.455.280
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(207.539.575.377)	(190.811.384.884)
2. Tài sản cố định vô hình	227		1.250.938.946	1.258.124.666
Nguyên giá	228		1.958.794.286	1.958.794.286
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(707.855.340)	(700.669.620)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		21.169.730.058	83.882.539
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	21.169.730.058	83.882.539
III. Tài sản dài hạn khác	260		2.695.828.514	2.638.954.770
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.695.828.514	2.638.954.770
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		483.072.601.744	481.511.913.983

(Xem tiếp trang sau)

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/07/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		255.264.769.600	277.642.704.223
I. Nợ ngắn hạn	310		227.436.769.600	239.814.704.223
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	5.545.501.848	19.564.380.685
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		712.396.950	2.987.984.920
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	2.566.571.477	13.492.728.806
4. Phải trả người lao động	314		1.127.517.423	961.757.829
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		529.514.666	2.622.625.985
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		334.545.458	334.545.455
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		525.295.261	515.203.312
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.11	204.751.230.982	189.886.100.696
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.12	10.820.000.000	8.919.000.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		524.195.535	530.376.535
II. Nợ dài hạn	330		27.828.000.000	37.828.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.11	27.828.000.000	37.828.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		227.807.832.144	203.869.209.760
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.13.1	227.807.743.962	203.869.121.578
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4.13.2	50.700.000.000	50.700.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.700.000.000	50.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.609.812.512	2.609.812.512
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.13.6	18.674.216.181	18.674.216.181
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	4.13.6	7.900.792.917	4.361.155.047
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		147.922.922.352	127.523.937.838
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		117.010.022.923	89.327.224.449
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		30.912.899.429	38.196.713.389
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		88.182	88.182
1. Nguồn kinh phí	431		88.182	88.182
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		483.072.601.744	481.511.913.983



Phê duyệt

Đặng Thị Thu Hằng
Tổng Giám đốc

Theo Giấy ủy quyền số 54A/GUQ-2022 ngày 24/10/2022

Kon Tum, ngày 08 tháng 08 năm 2024

Người lập

Võ Thị Ái Thùy
Kế toán trưởng

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	278.961.472.158	547.677.775.904
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		278.961.472.158	547.677.775.904
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	215.045.625.138	479.659.077.099
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		63.915.847.020	68.018.698.805
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	2.631.760.745	5.026.464.936
6. Chi phí tài chính	22	5.4	21.222.094.705	22.625.184.585
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		21.155.302.736	22.621.833.485
7. Chi phí bán hàng	25		2.815.728.578	2.043.981.448
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	9.049.712.143	7.239.368.417
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		33.460.072.339	41.136.629.291
10. Thu nhập khác	31		237.823.311	142.723.003
11. Chi phí khác	32		2.273.595.512	1.674.297.336
12. Lợi nhuận khác	40		(2.035.772.201)	(1.531.574.333)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		31.424.300.138	39.605.054.958
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	511.400.709	1.408.341.569
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		30.912.899.429	38.196.713.389
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.13.4	6.097	7.435
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.13.4	6.097	7.435

Phê duyệt

 Đặng Thị Thu Hằng
 Tổng Giám đốc

Theo Giấy ủy quyền số 54A/GUQ-2022 ngày 24/10/2022

Kon Tum, ngày 08 tháng 08 năm 2024

Người lập



Võ Thị Ái Thùy
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		459.187.507.842	428.877.923.967
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(366.063.375.726)	(378.430.530.609)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(24.591.675.684)	(20.151.489.046)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(12.777.432.504)	(21.981.442.346)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	4.10	(1.830.470.465)	(2.527.505.832)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		373.368.175	13.635.396.613
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(24.014.273.655)	(27.770.687.372)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		30.283.647.983	(8.348.334.625)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(18.518.058.915)	(3.655.549.622)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		109.090.909	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(18.000.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.430.226.772	3.715.131.790
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(33.978.741.234)	59.582.168
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	269.618.585.871	283.807.867.181
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(264.753.455.585)	(273.368.230.156)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36	4.13.5	(4.056.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		809.130.286	10.439.637.025
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		(2.885.962.965)	2.150.884.568
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.204.069.409	2.053.184.841
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	1.318.106.444	4.204.069.409

Phê duyệt

 Đặng Thị Thu Hằng
 Tổng Giám đốc

Theo Giấy ủy quyền số 54A/GUQ-2022 ngày 24/10/2022

Kon Tum, ngày 08 tháng 08 năm 2024

Người lập



Võ Thị Ái Thùy
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo:

- Quyết định số 1459/QĐ-BNN-ĐMĐN ngày 12 tháng 05 năm 2008 của Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 3803000111 ngày 27 tháng 10 năm 2006 (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hiện tại có mã số 6100228104) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 18 tháng 11 năm 2015.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 987/QĐ-SGDHN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Công văn số 456/CV-KTS ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 50.700.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 30/06/2024		Tại ngày 01/07/2023	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Kim Hà Việt	Việt Nam	7.605.000.000	15	7.605.000.000	15
Ông Nguyễn Tất Đạt	Việt Nam	3.588.000.000	7	3.588.000.000	7
Các cổ đông khác	Đa quốc gia	39.507.000.000	78	39.507.000.000	78
Cộng		50.700.000.000	100	50.700.000.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 223 (30/06/2023: 206).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất đường, chế biến và kinh doanh các sản phẩm có liên quan.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất đường;
- Trồng cây mía;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Mua bán phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**1.4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

Đặc thù kinh doanh của Công ty là theo mùa vụ, vụ mía thông thường bắt đầu từ tháng 11 năm nay đến tháng 06 năm sau. Trong niên vụ trước, Công ty đã bán toàn bộ số lượng thành phẩm đường đã sản xuất được trong năm vì nhu cầu tiêu thụ đường tăng cao dẫn đến nguồn tồn kho đường thành phẩm đầu năm không còn (chỉ còn tồn kho phụ phẩm là mật rỉ). Bên cạnh đó, năm nay nhu cầu đơn hàng đường cũng giảm dẫn đến doanh thu năm nay giảm khoảng 49% so với năm trước.

1.5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 01 tháng 07 năm trước đến ngày 30 tháng 06 năm nay.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**3.1. Ngoại tệ**

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ/ tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.2. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng tại ngày báo cáo.

3.4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

3.5. Nợ phải thu**Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.6. Hàng tồn kho (tiếp theo)****Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 50 năm
▪ Máy móc thiết bị	07 – 15 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	07 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 – 10 năm

3.8. Thuê tài sản**Phân loại thuê tài sản**

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

3.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.11. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí lãi vay.

3.12. Nguồn vốn chủ sở hữu**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.13. Doanh thu, thu nhập khác****Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn và lỗ chênh lệch tỷ giá.

3.16. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.17. Thuế**Thuế thu nhập doanh nghiệp****Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành như sau:

- Thu nhập từ hoạt động chế biến nông sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: miễn thuế;
- Thu nhập từ hoạt động khác: 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.17. Thuế (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Theo Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015, Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 và Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015, Công ty được miễn thuế cho thu nhập từ hoạt động chế biến nông sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Cụ thể, thu nhập từ hoạt động sản xuất đường của Công ty tại địa bàn tỉnh Kon Tum được miễn thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.17. Thuế (tiếp theo)****Thuế giá trị gia tăng**

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Phân bón: 0%;
- Đường và phụ phẩm từ đường, thuốc bảo vệ thực vật: 5%;
- Dịch vụ khác: 10%.

Theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 101/2023/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 06 năm 2023 và Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 110/2023/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2023 đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2024. Cụ thể, các dịch vụ khác của Công ty được áp dụng thuế suất thuế GTGT 8%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.20. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.21. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/07/2023 VND
Tiền mặt	261.089.508	364.557.462
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.057.016.936	3.839.511.947
Cộng	1.318.106.444	4.204.069.409

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/07/2023 VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	18.000.000.000	-

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 4,2%/năm.

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/07/2023 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm Mục 8	721.452.000	119.676.390.000
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH An Hà	58.500.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Thiên Thiên Phúc	22.500.000.000	34.600.000.000
Công ty TNHH Thái Hằng Hà Tiên	-	43.250.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Phú An Sài Gòn	-	15.800.000.000
Các khách hàng khác	798.058.250	4.315.072.400
Cộng	82.519.510.250	218.641.462.400

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/07/2023 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	525.792.255	2.515.244.695
Ứng vốn cho nông dân đầu tư trồng mía vùng nguyên liệu	24.610.538.424	23.185.244.530
Trả trước cho người bán khác:		
Công ty TNHH Một Thành Viên Phú An Sài Gòn	-	2.327.491.270
Các nhà cung cấp khác	1.141.053.286	270.185.984
Cộng	26.277.383.965	28.298.166.479

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2024 VND		Tại ngày 01/07/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi

Tổng giá trị các khoản phải thu, ứng trước và cho vay quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi

3.680.050.940 32.107.267 3.653.613.990 17.586.561

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, ứng trước và cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2024 VND		Tại ngày 01/07/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu về cho vay:				
Công ty Cổ phần Nhựa Trường Thịnh	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Kiên Giang	500.000.000	-	500.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Kiên Giang	450.000.000	-	450.000.000	-
Công ty Cổ phần Bắc Trung Bộ	190.000.000	-	190.000.000	-
Phải thu về lãi cho vay:				
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Kiên Giang	235.069.436	-	235.069.436	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Kiên Giang	189.512.499	-	189.512.499	-
Công ty Cổ phần Bắc Trung Bộ	4.867.778	-	4.867.778	-
Phải thu nợ đầu tư vùng nguyên liệu	110.601.227	32.107.267	84.164.277	17.586.561
Cộng	3.680.050.940	32.107.267	3.653.613.990	17.586.561

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2024 VND		Tại ngày 01/07/2023 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.553.535.882	(1.773.252.566)	2.559.423.761	(1.857.108.060)
Công cụ, dụng cụ	12.610.879.527	-	9.795.268.149	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.153.903.117	-	11.091.631.621	-
Thành phẩm	128.466.654.234	-	5.475.784.152	-
Hàng hóa	710.519.771	-	1.532.933.579	-
Cộng	152.495.492.531	(1.773.252.566)	30.455.041.262	(1.857.108.060)

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/07/2023	110.296.767.263	270.980.988.532	3.361.599.270	543.100.215	385.182.455.280
Mua sắm	-	1.673.494.500	-	-	1.673.494.500
Thanh lý	-	-	(1.045.747.700)	-	(1.045.747.700)
Tại ngày 30/06/2024	110.296.767.263	272.654.483.032	2.315.851.570	543.100.215	385.810.202.080
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/07/2023	53.829.538.838	134.155.192.393	2.328.368.119	498.285.534	190.811.384.884
Khấu hao trong năm	3.198.748.179	14.337.143.377	229.286.637	8.760.000	17.773.938.193
Thanh lý	-	-	(1.045.747.700)	-	(1.045.747.700)
Tại ngày 30/06/2024	57.028.287.017	148.492.335.770	1.511.907.056	507.045.534	207.539.575.377
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/07/2023	56.467.228.425	136.825.796.139	1.033.231.151	44.814.681	194.371.070.396
Tại ngày 30/06/2024	53.268.480.246	124.162.147.262	803.944.514	36.054.681	178.270.626.703

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 120.371.750.364 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.11.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 111.834.132.721 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/07/2023 VND
Sửa chữa lớn tài sản cố định	57.520.745	83.882.539
Dự án đầu tư bổ sung, cải tạo thiết bị tiết kiệm hơi	21.112.209.313	-
Cộng	21.169.730.058	83.882.539

4.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2024 VND		Tại ngày 01/07/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	9.996.750.000	9.996.750.000
Phải trả người bán khác:				
Công ty Cổ phần Tổng công ty Sóng Gianh	1.872.800.000	1.872.800.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Nông nghiệp Tiên Nông	962.970.000	962.970.000	8.531.880.000	8.531.880.000
Các đối tượng khác (*)	2.709.731.848	2.709.731.848	1.035.750.685	1.035.750.685
Cộng	5.545.501.848	5.545.501.848	19.564.380.685	19.564.380.685

(*) Tại ngày 30/06/2024, phải trả cho các đối tượng khác ngắn hạn có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2024		Trong năm		Tại ngày 01/07/2023	
	Phải nộp VND	Phải nộp VND	Phải nộp VND	Đã nộp/Khấu trừ VND	Điều chỉnh tăng/(giảm) theo biên bản kiểm tra thuế	Phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	2.183.904.706	22.908.262.195	32.723.618.606	4.017.491	11.995.243.626	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	89.271.813	511.400.709	1.830.470.465	-	1.408.341.569	
Thuế thu nhập cá nhân	27.788.383	274.841.830	268.967.225	(46.102.576)	68.016.354	
Thuế tài nguyên	16.850.000	120.733.912	125.011.169	-	21.127.257	
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	248.756.575	1.007.398.264	758.641.689	-	-	
Các loại thuế khác	-	378.827.873	378.827.873	-	-	
Cộng	2.566.571.477	25.201.464.783	36.085.537.027	(42.085.085)	13.492.728.806	

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bông, xã Vĩnh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11. Vay và nợ thuế tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2024		Trong năm		Tại ngày 01/07/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn:						
Vay ngân hàng	194.751.230.982	194.751.230.982	269.618.585.871	254.753.455.585	179.886.100.696	179.886.100.696
Vay dài hạn đến hạn trả	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	204.751.230.982	204.751.230.982	279.618.585.871	264.753.455.585	189.886.100.696	189.886.100.696
Dài hạn:						
Vay ngân hàng	37.828.000.000	37.828.000.000	-	10.000.000.000	47.828.000.000	47.828.000.000
Trừ nợ vay dài hạn đến hạn trả	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Cộng	27.828.000.000	27.828.000.000	(10.000.000.000)	-	37.828.000.000	37.828.000.000
Tổng cộng	232.579.230.982	232.579.230.982	269.618.585.871	264.753.455.585	227.714.100.696	227.714.100.696

Các khoản vay ngắn hạn là các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam bằng VND với tổng hạn mức 220 tỷ VND, có thời hạn 1 năm, chịu lãi suất từ 8,1%/năm đến 10,5%/năm và dùng để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Nhà cửa, vật kiến trúc; máy móc, thiết bị với giá trị còn lại là 120.371.750.364 VND – Xem thêm Mục 4.7;
- Quyền sử dụng đất tại Km2, thôn Kon Rờ Bông, xã Vĩnh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum;
- Quyền sử dụng đất tại Khu dân cư Hòa Thọ, phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng;
- Hàng tồn kho và các khoản phải thu hình thành từ vốn vay.

Khoản vay ngắn hạn dài hạn là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam bằng VND với tổng hạn mức 80 tỷ VND, có thời hạn 5 năm, chịu lãi suất từ 10,5%/năm đến 12%/năm và dùng để đầu tư nâng công suất nhà máy đường của Công ty. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của bên vay là dự án đầu tư nâng công suất nhà máy đường.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/07/2023 VND
Dự phòng sửa chữa tài sản cố định	8.000.000.000	6.540.000.000
Dự phòng quỹ tiền lương	2.820.000.000	2.379.000.000
Cộng	10.820.000.000	8.919.000.000

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.13. Vốn chủ sở hữu

4.13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	VND	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
		VND	VND	VND	VND		
Tại ngày 01/07/2022	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	7.935.631.808	89.646.422.336	169.566.082.837	
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	38.196.713.389	38.196.713.389	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm tài chính 2021-2022	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)	
Tặng khác	-	-	-	-	180.802.113	180.802.113	
Sử dụng quỹ	-	-	-	(3.574.476.761)	-	(3.574.476.761)	
Tại ngày 01/07/2023	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	4.361.155.047	127.523.937.838	203.869.121.578	
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	30.912.899.429	30.912.899.429	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm tài chính 2022-2023	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)	
Trích quỹ đầu tư vãng nguyên liệu	-	-	-	6.000.000.000	(6.000.000.000)	-	
Chia cổ tức năm 2022-2023	-	-	-	-	(4.056.000.000)	(4.056.000.000)	
Tặng khác	-	-	-	-	42.085.085	42.085.085	
Sử dụng quỹ	-	-	-	(2.460.362.130)	-	(2.460.362.130)	
Tại ngày 30/06/2024	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	7.900.792.917	147.922.922.352	227.807.743.962	

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.13.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/07/2023 VND
Vốn góp của Công ty TNHH Kim Hà Việt	7.605.000.000	7.605.000.000
Vốn góp của Ông Nguyễn Tất Đạt	3.588.000.000	3.588.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	39.507.000.000	39.507.000.000
Cộng	50.700.000.000	50.700.000.000

4.13.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/07/2023
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	5.070.000	5.070.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	5.070.000	5.070.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	5.070.000	5.070.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.13.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	30.912.899.429	38.196.713.389
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(500.000.000)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	30.912.899.429	37.696.713.389
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	5.070.000	5.070.000
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	6.097	7.435

(*) Tại ngày báo cáo tài chính, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2024 do Đại hội đồng cổ đông Công ty chưa quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2024. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, chỉ tiêu "Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu" có thể giảm, dẫn đến việc lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu giảm tương ứng.

4.13.5. Cổ tức

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	-	-
Cổ tức phải trả	4.056.000.000	-
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	(4.056.000.000)	-
Số dư cuối năm	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.13.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/07/2023	18.674.216.181	4.361.155.047
Trích lập trong năm	-	6.000.000.000
Sử dụng trong năm	-	(2.460.362.130)
Tại ngày 30/06/2024	18.674.216.181	7.900.792.917

4.14. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	DVT	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/07/2023 VND
Hàng hoá nhận ký gửi, giữ hộ:			
Đường thành phẩm	Tấn	3.571.880,00	288,80
Mật rỉ	Tấn	137.580,00	1.914,15
Nợ khó đòi đã xử lý:			
Các nông dân trồng mía – Xóa nợ do các công nợ này không còn khả năng thu hồi		12.459.952.254	12.459.952.254

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán đường	220.084.926.664	499.918.524.767
Doanh thu bán mật rỉ	32.022.842.857	28.606.985.148
Doanh thu bán phân bón, thuốc trừ sâu	19.258.182.739	15.943.947.792
Doanh thu khác	7.595.519.898	3.208.318.197
Cộng (*)	278.961.472.158	547.677.775.904

(*) Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 8 147.910.680.318 388.804.541.077

Mục 1.4 của Bản thuyết minh này trình bày nguyên nhân giảm doanh thu năm nay so với năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn đường	167.269.067.955	440.637.827.382
Giá vốn mặt rỉ	29.129.520.825	24.463.317.947
Giá vốn phân bón, thuốc trừ sâu	18.171.440.752	14.466.476.357
Giá vốn khác	475.595.606	91.455.413
Cộng	215.045.625.138	479.659.077.099

Giá vốn hàng bán năm nay giảm do doanh thu năm nay giảm.

5.3. Doanh thu tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi đầu tư vùng nguyên liệu	1.781.879.268	950.205.399
Lãi trả chậm	718.946.491	4.056.921.834
Lãi tiền gửi ngân hàng	130.934.986	19.337.703
Cộng (*)	2.631.760.745	5.026.464.936

(*) Trong đó, lãi trả chậm từ các bên liên quan – Xem thêm Mục 8

718.946.491 463.885.890

5.4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	19.994.077.808	21.996.013.648
Chi phí lãi trả chậm, ứng trước tiền hàng	1.161.224.928	625.819.837
Lỗ chênh lệch tỷ giá	66.791.969	3.351.100
Cộng (*)	21.222.094.705	22.625.184.585

(*) Trong đó, chi phí lãi trả chậm, ứng trước tiền hàng cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 8

1.161.224.928 625.819.837

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.833.136.289	4.813.489.733
Chi phí vật liệu quản lý	10.904.029	489.431
Chi phí đồ dùng văn phòng	212.101.687	130.438.491
Chi phí khấu hao tài sản cố định	576.839.248	512.811.207
Thuế, phí và lệ phí	15.371.962	32.221.962
Dự phòng/(Hoàn nhập) nợ phải thu khó đòi	11.916.244	(393.475)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.684.534	196.470.282
Chi phí tiền thuê đất	995.026.302	183.026.290
Chi phí bằng tiền khác	1.305.731.848	1.370.814.496
Cộng	9.049.712.143	7.239.368.417

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	286.794.874.590	376.371.592.608
Chi phí nhân công	21.523.629.179	18.148.938.892
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.776.323.913	17.350.945.601
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	11.916.244	(393.475)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.650.733.322	20.461.864.375
Chi phí bằng tiền khác	4.206.730.189	2.808.422.284
Cộng	345.964.207.437	435.141.370.285

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	31.424.300.138	39.605.054.958
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	3.959.476.775	8.213.090.407
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	35.383.776.913	47.818.145.365
Thu nhập từ sản xuất đường được miễn thuế	32.826.773.370	40.776.437.522
Thu nhập chịu thuế khác	2.557.003.543	7.041.707.844
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	511.400.709	1.408.341.569
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	511.400.709	1.408.341.569

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế như:

- Các khoản chi không có hóa đơn, chứng từ hợp lệ;
- Các khoản trích trước chưa có hóa đơn, chứng từ;
- Chi phí lãi vay không được trừ theo quy định;
- Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	269.618.585.871	283.807.867.181

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(264.753.455.585)	(273.368.230.156)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không có báo cáo bộ phận vì theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty chủ yếu là từ sản xuất, kinh doanh các sản phẩm đường nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh cần phải thuyết minh.
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty chủ yếu tại tỉnh Kon Tum. Do vậy, không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quanMối quan hệ

- | | |
|---|---|
| 1. Công ty TNHH Kim Hà Việt | Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt |
| 2. Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt | Bà Tạ Ngọc Hương – vợ ông Trần Ngọc Hiếu (thành viên HĐQT Công ty) là Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt |
| 3. Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa | Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt |
| 4. Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La | Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt |
| 5. Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh | Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt |
| 6. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ cốc | Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt |
| 7. Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên | Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt |
| 8. Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát | Nhân sự quản lý chủ chốt |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/07/2023 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	717.510.000	25.500.000.000
Công ty TNHH Kim Hà Việt	3.942.000	25.892.640.000
Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên	-	45.201.250.000
Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh	-	23.082.500.000
Cộng – Xem thêm Mục 4.3	721.452.000	119.676.390.000

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/07/2023 VND
Trả trước người bán ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.4:		
Công ty TNHH Kim Hà Việt	525.792.255	2.515.244.695

Phải trả ngắn hạn khác:

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/07/2023 VND
Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	5.215.068	-

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ cốc	96.255.733.333	191.238.095.238
Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	26.243.300.000	43.677.251.429
Công ty TNHH Kim Hà Việt	17.912.212.429	87.635.751.190
Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	7.303.707.609	1.221.300.000
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La	195.726.947	-
Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên	-	43.048.809.886
Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh	-	21.983.333.334
Cộng – Xem thêm Mục 5.1	147.910.680.318	388.804.541.077

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua hàng, nhận cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	21.068.438.571	42.500.000
Công ty TNHH Kim Hà Việt	1.979.910.445	1.687.083.636
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La	-	98.904.761.905
Cộng	23.048.349.016	100.634.345.541
	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ thu lãi trả chậm:		
Công ty TNHH Kim Hà Việt	718.946.491	20.090.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	-	443.795.890
Cộng – Xem thêm Mục 5.3	718.946.491	463.885.890
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi trả chậm, ứng trước tiền hàng:		
Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	488.130.408	-
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La	425.260.273	149.631.563
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ cốc	247.834.247	476.188.274
Cộng – Xem thêm Mục 5.4	1.161.224.928	625.819.837

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Lương, thù lao và các khoản chi phí khác của các thành viên Hội đồng quản trị (" HĐQT"), Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Đặng Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	180.000.000	180.000.000
Ông Trần Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Thái Văn Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	230.456.000	230.356.000
Bà Đặng Thị Thu Hằng	Tổng Giám đốc	372.512.000	372.412.000
Ông Nguyễn Hữu Quảng	Phó Tổng Giám đốc	168.878.441	164.062.739
Ông Narayanasamy Ravichandran	Phó Tổng Giám đốc	118.694.000	-
Bà Trần Thị Nhi	Trưởng ban	96.000.000	96.000.000
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Đức Cẩn	Thành viên	188.190.510	181.464.583
Cộng		1.498.730.951	1.368.295.322

9. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Năm trước VND (Được báo cáo lại)	Năm trước VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.435	7.534
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	7.435	7.534

Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm trước được báo cáo lại do Công ty thực hiện điều chỉnh số chưa trích trong báo cáo trước đây theo số thực trích được phê duyệt trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 24 tháng 09 năm 2023.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 30/06/2024 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



Phê duyệt

Đặng Thị Thu Hằng
Tổng Giám đốc

Theo Giấy ủy quyền số 54A/GUQ-2022 ngày 24/10/2022

Kon Tum, ngày 08 tháng 08 năm 2024

Người lập

Võ Thị Ái Thùy
Kế toán trưởng

NIÊN ĐỘ 2023-2024

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Kon Tum, ngày 29 tháng 08 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Đặng Việt Anh

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

